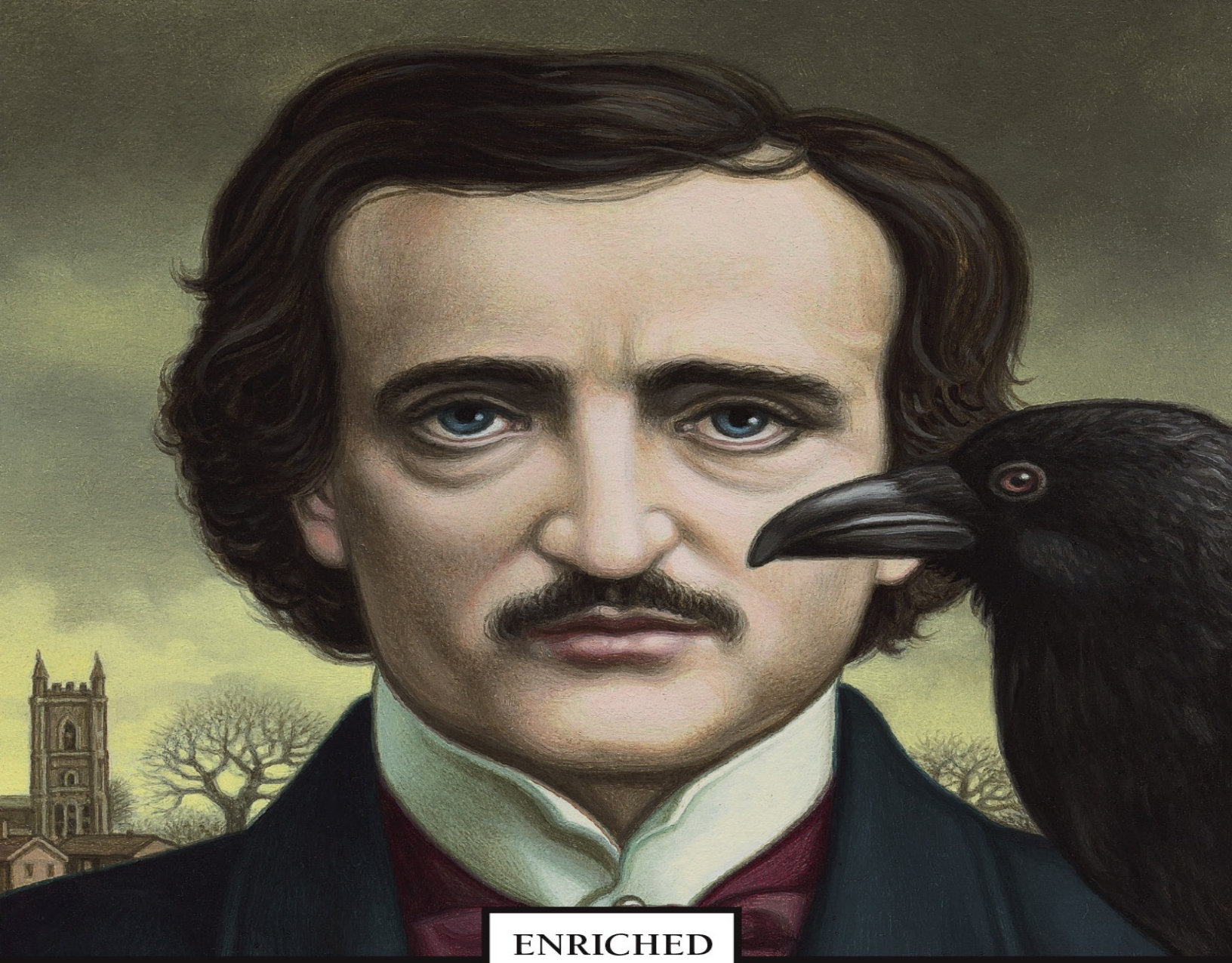




ENRICHED
CLASSIC

TẬP TRUYỆN NGẮN
EDGAR ALLAN POE

Mục lục

Con Mèo Đen

Con Quạ

Trái Tim Thú Tội

Thùng Rượu Amontillado

Bản Thảo Tim Thấy Trong Chai

TRUYỆN NGẮN EDGAR ALLAN POE

Edgar Allan Poe
www.dtv-ebook.com

Con Mèo Đen

Về câu chuyện thần mật vào loại kỳ cục nhất mà tôi sắp hạ bút viết đây, tôi không chờ đợi cũng như không yêu cầu ai tin cả. Mà có mất trí mới đi chờ đợi như thế, vì chính bản thân những cảm quan của tôi cũng không thừa nhận nó là có thật. Vâng, tôi không điên - và rất chắc chắn là tôi không mơ. Nhưng ngày mai tôi chết và hôm nay hẳn tôi phải trút đi gánh nặng trong tâm hồn tôi Mục đích gần nhất của tôi là trình bày với mọi người những sự kiện trong gia đình một cách đầy đủ, gọn gàng mà không bình luận gì cả. Do hậu quả của nó, những sự kiện này đã làm tôi hoảng sợ, đã dày vò tôi, đã hủy hoại tôi Nhưng tôi không có ý định trình bày quá tỉ mỉ. Đối với tôi, nó cũng không có ý khác hơn là cảm giác rùng rợn, nhưng đối với số đông thì họ thấy ít sợ hơn là thấy kỳ quặc. Sau này có thể có vài nhà trí thức nào đó sẽ làm cho những điều huyền ảo của tôi chỉ là chuyện thường, sẽ có một số trí tuệ nào đó bình tĩnh hơn, lô-gích hơn và khó bị kích động hơn đầu óc của tôi, sẽ nhìn thấy rõ, trong những trường hợp tôi đã hết sức kinh ngạc kể lại rất tỉ mỉ, không có gì khác hơn là một chuỗi rất thông thường và rất tự nhiên của nhân và quả.

Từ thuở nhỏ, tôi đã được chú ý vì tính tình dễ bảo và lòng nhân đạo Tính tình hiền dịu của tôi trở thành một trò cười của bạn bè. Tôi đặc biệt rất thích loài vật và được cha mẹ nuông chiều cho chơi với rất nhiều loài vật. Tôi đã mất nhiều thì giờ với bọn này, và không gì

làm cho tôi sung sướng bằng được cho chúng ăn, được vuốt ve chúng. Tính nết riêng biệt này cứ phát triển dần theo đà lớn lên của tôi, và khi đã trưởng thành thì nó trở thành một trong những nguồn vui chính của tôi. Với kẻ đã dành nhiều tình thương mến cho một con chó khôn ngoan, trung thành thì tôi không cần phải tốn công lí giải về tính chất và mức độ tình cảm đã dành cho nó. Trong tinh thần vị tha và tình thương đầy tinh thần hy sinh của con vật, có một cái gì đi thẳng vào lòng nó và thường tạo ra cơ hội để chứng minh tình bạn thấp kém và lòng trung thành rất mong manh của con người.

Tôi lấy vợ sớm và rất sung sướng thấy tính tình của vợ tôi không khác gì tôi bao nhiêu. Nhận thấy tôi thiên vị đối với mấy loại thú trong nhà, cô ta không bao giờ để lỡ dịp tìm cho tôi những con vật dễ thương nhất. Chúng tôi có chim, có cá vàng, có một con chó rất xinh, có thỏ, có một con khỉ con và một con mèo.

Con mèo này là một con vật rất to và đẹp, đen tuyền, và khôn đến mức độ đáng kinh ngạc. Nói về trí thông minh của nó, vợ tôi, thực lòng không hề bị chút nào nhiễm phải óc mê tín, vẫn thường nhắc đến một quan niệm cũ trong dân gian cho rằng tất cả bọn mèo đen đều là phù thủy trá hình. Cô ta không hề coi đó là chuyện nghiêm túc, nhưng tôi ghi lại tất cả không vì lẽ gì khác hơn là những điều cho đến nay xảy ra đáng cho cô ta phải nhớ.

Pluto - tên con mèo - là con vật tôi quý nhất, là người bạn của tôi. Chỉ có tôi cho nó ăn, và trong nhà tôi đi đâu là nó theo tới đó. Tới nỗi tôi phải rất khó khăn mới ngăn được nó, không cho theo tôi ra đường.

Tình bạn của chúng tôi kéo dài theo kiểu đó trong nhiều năm; trong thời gian này tính khí và thái độ của tôi - do rượu chè quá độ - (tôi thật xấu hổ mà thú nhận) đã suy sụp về cơ bản, càng ngày càng

xấu đi. Càng ngày tôi càng trở nên cáu kỉnh, bực bội và không nghĩ gì đến tình cảm của người khác. Tôi đã ăn nói thô lỗ với vợ. Dần dần đến mức dùng vũ lực với cô ấy nữa. Máy con vật của tôi tất nhiên đã cảm thấy sự thay đổi của tôi. Tôi không chỉ bỏ lơ chúng nó, mà còn bạc đãi chúng nữa. Tuy nhiên, đối với Pluto, tôi còn quan tâm đến nó, còn kiềm chế không đến nỗi bạc đãi với nó. Trong khi đó thì tôi không do dự gì mà không bạc đãi những con thỏ, con khỉ, hoặc ngay cả đến con chó nữa, khi, bất ngờ, vì tình cảm chúng nó luẩn quẩn trên đường đi của tôi. Nhưng căn bệnh của tôi cứ tăng lên - một thứ bệnh như bệnh nát rượu - rồi cuối cùng, đến cả Pluto nữa, lúc này đã bắt đầu già, và do đó đã có phần cáu kỉnh - cả Pluto nữa cũng bắt đầu chịu đựng sự thay đổi tính khí của tôi.

Một buổi tối, khi từ quán nhậu quen thuộc ngoài phố về, say bí tỉ, tôi cho rằng con mèo cố ý tránh mặt tôi. Tôi nắm lấy nó. Trong khi hoảng hốt, sợ tôi đánh nó, nó đã cắn vào tay tôi, gây nên một vết thương nhẹ; trong phút chốc tôi tức điên lên như bị quỷ ám. Tôi không còn biết tôi là ai nữa. Hồn tôi lúc này như bỗng chốc bay ra khỏi xác - một cơn điên loạn độc ác làm rung tất cả các thớ thịt của tôi. Tôi rút trong túi áo ra một con dao con, kéo lưỡi dao ra, tôi nắm chặt lấy cổ con vật, tôi thụt dao khoét một trong hai mắt của nó! Thật tôi xấu hổ đến run lên khi viết lại cái hành động tàn ác khủng khiếp này.

Sáng hôm sau, khi bình tĩnh lại - đã ngủ được đầy đủ sau một đêm trụy lạc - tôi cảm thấy nửa như ghê tởm, nửa như hối hận về tội ác mà tôi đã gây ra. Nhưng đó chỉ là một thứ tình cảm mơ hồ, yếu ớt, còn tâm hồn tôi vẫn hoàn toàn yên ổn, không hề bị chạm tới. Tôi lại lao vào nhậu nhẹt, và chìm sâu vào trong rượu tất cả mọi ký ức về hành động của tôi.

Trong thời gian đó, con mèo dần dần phục hồi Hốc con mắt bị mất trông bề ngoài dễ sợ thật, nhưng nó không còn phải chịu đựng bất cứ một nỗi đau đớn nào nữa. Nó lại đi loanh quanh trong nhà như cũ, nhưng, như ta có thể thấy trước, nó rất khiếp sợ khi thấy tôi đến gần. Trong lòng tôi hãy còn lại chút tình cảm cũ và ban đầu tôi thấy tội nghiệp cho cái phần rõ rệt là không có gì đáng yêu của một sinh vật có lần tôi đã thương yêu đến thế. Nhưng tình cảm này chẳng mấy chốc đã nhường chỗ cho sự phẫn nộ. Và tinh thần ngoan cố trong cái xấu đã đến với tôi như một sự suy sụp cuối cùng và dứt khoát. Triết học cũng chẳng làm gì được với tinh thần này. Thế là tôi không tin rằng, linh hồn tôi đáng sống, bằng tin rằng sự ngoan cố trong cái xấu là một trong những động lực ban sơ của lòng người - một trong những năng khiếu, hay tình cảm ban sơ và nguyên vẹn, không chia cắt được đã vạch ra phương hướng cho tính cách con người. Ai đã không hàng trăm lần, tự thấy mình phạm phải một hành động xấu xa hoặc ngu xuẩn mà không phải do một lý do nào khác hơn là bởi vì anh ta biết rằng anh ta không nên làm? Có phải chúng có khuynh hướng lâu dài muốn vi phạm cái gọi là luật pháp, kể cả khi ta có nhận xét đúng nhất, chỉ vì chúng ta hiểu rằng nó phải như vậy đó không? Tinh thần ngoan cố trong cái xấu, như tôi nói đến với sự suy sụp cuối cùng của tôi. Đó là sự theo dõi chờ đợi một tâm hồn sâu không đáy tự gây phiền phức cho mình - dùng bạo lực cưỡng chế bản tính tự nhiên của nó - làm điều sai chỉ vì cái sai - đã thúc đẩy tôi phải tiếp tục và cuối cùng phải làm nốt việc gây thương tích cho con vật ngây thơ, vô tội. Một buổi sáng, tôi thản nhiên đưa một cái thòng lọng vào cổ nó, rồi treo lên cành cây; treo nó lên mà mắt tôi ướt đầm nước mắt, mà lòng xót xa ân hận vô cùng - treo nó bởi vì tôi biết nó thương tôi, và bởi vì tôi cảm thấy nó không làm gì cho tôi phải tức giận cả, treo nó bởi vì tôi biết làm thế là tôi đang phạm một tội ác - một tội ác nghiêm trọng đến nỗi nguy hại đến linh hồn.

bất diệt của tôi - nếu có thể có chuyện đó - và đưa nó ở xa tầm ơn đức vô biên của Đức Chúa Đại Nhân, Đại Trí, nhưng cũng đáng sợ vô cùng.

Trong đêm của cái ngày xảy ra những hành động tàn khốc đó, tiếng kêu cháy nhà làm tôi giật mình thức dậy. Cái màn trên giường tôi bốc cháy. Toàn bộ ngôi nhà bị bắt lửa. Vợ tôi, người ăn kẻ ở trong nhà, và bản thân tôi nữa, đã rất khó khăn mới thoát ra khỏi đám cháy. Tất cả đều bị thiêu hủy hoàn toàn. Toàn bộ của cải tôi cháy rụi cả, và tôi cảm thấy cùng đường, tuyệt vọng.

Tôi không còn đủ sức để suy nghĩ, tìm kiếm mối liên quan giữa nguyên nhân và kết quả, giữa tai họa và hành động tàn ác. Nhưng tôi phân tích kỹ cả một dây chuyền sự việc và cố cho không bỏ sót một khâu nào cả. Qua ngày hôm sau đám cháy, tôi đến xem lại hiện trường. Các bức tường - trừ một bức - đều sụp đổ hết. Bức tường này là của một gian phòng, không dày lắm, đứng vào khoảng giữa ngôi nhà và là chỗ dựa sát vào đầu giường của tôi. Vòi vữa ở đây đã có sức chống lửa rất lớn - một sự kiện tôi cho là do bức tường mới xây mà có. Một đám đông dày đặc tập hợp gần bức tường rất chăm chú và rất tỉ mỉ. Những tiếng "lạ thật", "kì thật", và nhiều tiếng khác tương tự như vậy đã kích thích tính tò mò của tôi. Tôi lại gần, và nhìn thấy như chạm nổi trên nền trắng, bộ mặt một con mèo rất lớn. Nét in lên rõ và chính xác lạ lùng. Có cả sợi dây thừng quanh cổ con vật nữa.

Khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy sự hiện hình này - vì tôi chẳng mấy khi nhìn thấy thế - thì sự kinh ngạc và khiếp sợ của tôi đã tới mức cùng cực. Nhưng dần dần về sau, sự suy nghĩ đã đến hỗ trợ tôi. Tôi nhớ con mèo bị treo cổ trong khu vườn sát bên nhà. Khi nghe tiếng kêu cháy nhà, thì lập tức khu vườn đông nghịt những người từ đâu

kéo đến. Một trong những người này đã cắt dây treo cổ con vật khỏi cây và ném qua cửa sổ mở vào phòng tôi. Việc này chắc là chỉ cốt nhằm đánh thức tôi dậy. Những bức tường khác đổ xuống đã đè lên nạn nhân của tội ác của tôi; áp vào trong chất vôi vữa vừa mới tô lên. Những chất đó cùng với lửa và chất amonia từ xác con vật đã tạo ra bức chân dung con vật mà tôi đã nhìn thấy đó.

Mặc dầu tôi sẵn sàng dựa vào những lý lẽ của tôi, nếu không phải cả với lương tri của tôi nữa, bởi sự việc kỳ quặc mà tôi vừa mới kể lại rất tỉ mỉ, nó đã để lại một ấn tượng rất sâu trong óc tưởng tượng của tôi. Hàng mấy tháng trời tôi không sao thoát ra một cảm giác trở lại trong tâm trí tôi, nó nửa như hồi hận, nhưng không phải thế. Tôi thương tiếc con vật đã mất, và cố tìm chung quanh, trong những quán rượu xấu xa nhất mà tôi thường lui tới, để kiếm một con vật vào loại như thế, hoặc bề ngoài giống như thế để thay vào chỗ của nó.

Một đêm, tôi đang ngồi trong một căn nhà lụp xụp, tồi tệ, đang thù người ra, thì bỗng tôi chú ý đến một vật gì đen đen nằm trên nắp những thùng rượu Gin hay Rin gì đó, là những đồ vật chính ở trong nhà. Tôi nhìn kỹ mấy cái nắp thùng trong vài phút, và điều làm tôi ngạc nhiên là sao tôi lại không nhận ra ngay cái vật trên nắp thùng này. Tôi bước lại gần và lấy tay sờ vào xem. Đó là một con mèo đen - to bằng con Pluto, và giống hệt như nó, nhưng con mèo này có một chòm lông trắng khá rộng, mặc dầu không rõ rệt lắm, phủ kín một vùng gần chỗ ngực nó.

Khi tôi đụng vào nó, lập tức nó đứng dậy, gào to lên, cọ mình vào tay tôi và có vẻ sung sướng thấy tôi chú ý đến. Đây đúng là con vật mà tôi đang tìm. Tôi liền xin ông chủ nhà cho tôi mua lại; nhưng ông

ta không nói gì đến nó, không biết tí gì về nó, và trước đây cũng chưa bao giờ nhìn thấy nó.

Tôi tiếp tục vuốt ve nó, và khi tôi chuẩn bị ra về, thì con vật tỏ ý muốn đi theo tôi. Tôi cho nó theo, và trên đường đi thỉnh thoảng tôi cúi xuống vuốt ve nó. Khi tôi về đến nhà, nó lập tức làm quen được ngay, và lập tức trở thành người bạn thân thiết của vợ tôi.

Về phần tôi, chẳng mấy chốc tôi cảm thấy khó chịu đối với nó. Điều đó rõ ràng là trái ngược với điều tôi đã dự tính, nhưng - tôi không rõ thế nào và tại sao lại như vậy - về yêu mến, thích thú của nó đối với tôi càng làm tôi thêm ghê tởm và chán ghét nó. Rồi dần dần những cảm giác chán ghét và ghê tởm này cứ tăng lên mãi thành một thứ căm thù dữ dội. Tôi tránh con vật, một cảm giác xấu hổ nào đó, và khi nhớ lại hành động tàn ác của tôi trước đây, tôi tránh không đụng tới cơ thể của nó. Hàng mấy tuần liền, tôi không đánh đập gì nó, hoặc dùng một thứ bạo lực nào khác đối với nó, nhưng dần dần - dần dần, rất chậm - tôi đã nhìn nó như một con vật rất ghê tởm, và âm thầm lẩn tránh, không nhìn bộ mặt xấu xa của nó, như lẩn tránh bệnh dịch vậy.

Cái cộng thêm vào lòng căm thù của tôi đối với con vật, chắc là sự phát hiện ra, vào một buổi sáng sau khi đem nó về nhà, rằng nó giống con Pluto, nó cũng bị khoét mất đi một con mắt. Tuy nhiên, trường hợp này lại làm cho vợ tôi thân với nó, như tôi đã nói, cô ta vốn đã sẵn có mối tình nhân đạo này đến cao độ, cũng như trước đây có lần nó đã là một đặc tính của tôi, và đã là nguồn gốc của nhiều trong những thú vui giản dị nhất và trong sáng nhất của tôi.

Tuy vậy, dù bị tôi thù ghét, con mèo như cứ càng thêm thiên vị đối với tôi hơn. Nó cứ bám sát theo chân tôi đến mức khó có thể làm cho người đọc tin được. Bất cứ khi nào, tôi ngồi, thì nó nằm tròn

dưới ghế hoặc nhảy lên đầu gối tôi, giúi mình vào tôi Nếu tôi đứng lên định đi thì nó sẽ chui vào giữa hai chân tôi và làm tôi suýt ngã, hoặc dùng móng nhọn và dài cào cào vào áo tôi, và cứ như thế, trèo lên ngực tôi Vào những lúc đó, mặc dầu tôi rất muốn cho nó một cú chí tử, tôi đã tự kiềm chế được, một phần vì nhớ tới tội ác của tôi trước kia, nhưng phần chính xác - xin cho tôi thú thật ngay bây giờ - vì quá khiếp sợ con vật.

Sự khiếp sợ này đúng ra không phải khiếp sợ đối với một tội ác vật chất - nhưng tôi cũng không thể xác định cho rõ nó là cái gì. Tôi như tự thẹn với mình - vâng, ngay trong căn lều tội ác này tôi hầu như tự thẹn với mình - vì nỗi sợ hãi và ghê tởm mà con mèo đã gây ra cho tôi cứ được tăng lên mãi do một thứ huyền tưởng mà ta có thể nhận ra được. Vợ tôi hơn một lần đã nhắc tôi chú ý đến tính chất của chùm lông trắng, mà vợ tôi đã có nói đến, và đó là chỗ khác nhau duy nhất giữa con vật lạ lùng này với con mà tôi đã giết. Bạn đọc chắc còn nhớ dấu hiệu này, dù là khá rộng, về cơ bản mà nói vẫn không rõ. Nhưng, dần dần - dần dần đến gần như không nhận thấy được và trong thời gian quá lâu lý trí của tôi cố tranh đấu để vứt bỏ đi coi như một thứ huyền hoặc. Về sau, dần dần nó cứ rõ dần ra. Và giờ đây nó là biểu hiện của một vật chỉ nói đến tên tôi cũng đã rùng mình rồi. Và trên hết, đối với nó là tôi lẩn tránh, tôi khiếp sợ, tôi muốn xua đuổi cái con quỷ dữ đó, tôi dám nói như vậy. Giờ đây nó là hình ảnh của cái xấu xí, ghê tởm; của một vật khủng khiếp, của cái Giá treo cổ - một công cụ giết người rất dễ sợ của Tội ác, của sự Rùng rợn, của Sầu não và của Chết chóc.

Giờ đây, tôi quả thật là quá khốn khổ, hơn tất cả mọi thứ khốn khổ của Nhân loại. Và một con vật đốn mạt - mà bạn của nó tôi đã giết chết một cách thản nhiên - con vật đốn mạt đòi tôi phải trả nợ - vâng tôi, một con người được nặn ra theo hình ảnh của Đức Chúa

Trời Cao Cả - vốn quá nhiều nỗi khổ đau không sao chịu nổi! Chao ôi! Đêm cũng như ngày, không một lúc nào tôi còn được hưởng cái ân huệ của phút nghỉ ngơi, yên ổn nữa. Thời gian với con trước, nó không để cho tôi được phút nào riêng một mình, còn đối với con sau, tôi từng giờ sa vào những giấc mơ khủng khiếp, sợ gặp phải hơi thở của con vật đó phủ lên mặt tôi, và sức nặng ghê gớm của nó - nhập vào trong cơn ác mộng mà tôi không đủ sức lay chuyển nổi - mãi mãi đè nặng lên tim tôi.

Dưới sức ép của những dần vật như thế này, cái phần thiện quá yếu ớt còn lại trong tôi đã sụp đổ. Những ý nghĩ tội lỗi trở nên những ý nghĩ duy nhất gần gũi, thân thiết với tôi - những ý nghĩ đen tối nhất và tội lỗi nhất. Tình trạng sâu não trong tính khí quen thuộc của tôi đã tăng lên khiến tôi căm thù mọi vật, căm thù cả loài người nữa. Trong khi tôi mù quáng buông thả mình vào cơn giận dữ dột nát ngọt bùi ra thường xuyên, không điều khiển nổi thì bà vợ nhẫn nhục của tôi là người thường xuyên và kiên trì chịu đựng hơn cả.

Một hôm, cô ta đi theo tôi vì một vài việc nhà, chúng tôi đi vào trong hầm rượu của ngôi nhà cổ mà cảnh nghèo túng đã buộc chúng tôi phải ở. Con mèo theo tôi xuống bậc cầu thang, và làm tôi xuyt nửa nhào đầu xuống, tôi giận như muốn điên lên. Tôi xách cái rìu lên, và trong cơn giận dữ tôi đã quên mất nỗi sợ hãi thơ ngây đã từng giữ tay tôi lại cho đến lúc này - tôi bổ một nhát xuống người con vật, và tất nhiên nếu nó rơi đúng như ý muốn của tôi thì chỉ trong phút chốc con vật đã toi mạng rồi. Nhưng bà vợ tôi đã kịp chặn tay tôi lại. Tôi lúc này càng giận hơn vì sự can thiệp này, và như một người bị quỷ ám, không còn biết gì nữa, tôi giật lấy chiếc rìu ra khỏi bàn tay cô ta và bổ luôn một nhát vào sọ cô ta. Cô ngã xuống chết ngay tại chỗ, không một tiếng rên.

Hành động giết người bản thủ này làm xong, tôi quyết định phải lo ngay việc cất giấu tử thi. Tôi biết không thể chuyển tử thi ra khỏi nhà, dù ngày hay đêm cũng vậy, mà có thể tránh được con mắt của hàng xóm. Nhiều phương án đã đến trong đầu tôi. Có một lúc tôi nghĩ đến việc chặt tử thi ra làm nhiều mảnh rồi thiêu huỷ luôn. Lúc khác tôi lại tính đào một cái huyệt dưới nền hầm rượu và chôn vào đó. Lại cũng tính đến chuyện vớt xuống giếng ở ngoài sân, hoặc xếp vào trong một cái thùng, làm như là hàng hoá, xếp đặt bình thường rồi thuê người đem ra khỏi nhà. Cuối cùng tôi nghĩ ra một kế mà tôi cho là hơn cả mấy phương án kia. Tôi quyết định xây một bức tường chặn nó lại trong nhà hầm, nhưng những tu sĩ thời Trung Cổ từng chấn nạn nhân của họ.

Để thực hiện cho ý đồ này, hầm rượu cần được sửa chữa tốt hơn. Những bức tường hầm trước đây xây dựng rất sơ sài, và phần vôi vữa mới trát gần đây không được tốt lắm, và độ ẩm trong không khí làm cho không cứng lại được hơn nữa, ở một trong mấy bức tường có một chỗ lòi ra, có lẽ do một ống khói giả, hay chỗ nhà hầm. Tôi tin chắc rằng tôi có thể lấy gạch ở chỗ này ra, nhét thi hài vào đó, rồi xây tường lại hoàn toàn như cũ và như thế thì không ai tìm ra vật cất giấu trong đó được cả.

Tôi rất tin chắc vào cách tính toán này. Với một cái xà beng, tôi dễ dàng nạy những viên gạch ra, rồi cẩn thận đặt cái xác dựa vào bức tường phía trong, tôi đặt nó trong thế đứng trong khi chỉ hơi mệm mệm tí thôi tôi đã xây lại tất cả y như cũ. Tôi tìm cát, vôi hồ và tóc, và hết sức cẩn thận nhào trộn chế biến thành một thứ vữa giống hệt như loại vữa cũ, và với chất liệu đó tôi xây lại tường mới. Khi đã xong, tôi thấy bằng lòng vì tất cả đều rất tốt. Nhìn từ bên ngoài, không ai có thể biết bức tường đã bị xáo trộn chút nào cả. Rác rưởi trên sàn được dọn dẹp rất chu đáo. Tôi nhìn lại chung quanh có vẻ đặc thắng,

và tự nhủ mình: "Ít ra là ở đây, công lao động của mình không phải là vô ích".

Bước tiếp theo của tôi là đi tìm con vật đã gây cho tôi bao nhiêu chuyện khốn khổ này; bởi, cuối cùng tôi đã quyết định là phải giết nó. Giá tìm gặp nó vào lúc này, thì chắc chắn số phận của nó đã rõ, không còn phải nghi ngờ nữa. Nhưng hình như con vật tinh ranh này đã hoảng hốt khi nhìn thấy hành động dữ tợn trong cơn giận của tôi lần trước nên tìm đường tránh không chường mặt ra trong lúc tôi đang trong cơn giận lần này. Không thể nào mô tả hoặc tưởng tượng được cảm giác sung sướng, nhẹ nhõm sâu sắc nhất ở trong lòng ngực tôi khi thấy vắng mặt con vật đáng ghét này. Suốt cả đêm, nó cũng không xuất hiện. Và như thế, từ khi con vật vào trong nhà này, ít ra là được một đêm tôi có thể ngủ yên; vâng ngủ yên mặc dầu tội ác giết người vẫn đè nặng lên tâm hồn tôi.

Ngày thứ hai, rồi ngày thứ ba trôi qua, con vật quấy rối tôi vẫn không đến. Lại một lần nữa tôi thở phào như một kẻ tự do. Con quái vật, trong cơn sợ hãi, chắc đã bỏ đi luôn rồi! Tôi sẽ không còn nhìn thấy nó nữa! Hạnh phúc của tôi thật là tuyệt vời! Tôi lỗi về hành động đen tối kia cũng dần vơi đi chút ít. Một số ít câu hỏi được đặt ra, nhưng tôi đều sẵn sàng trả lời được cả. Có cả một cuộc thẩm tra, khám xét nữa - nhưng tất nhiên là không tìm ra được gì cả. Tôi cho rằng, sắp tới đây, hạnh phúc của tôi đã được bảo đảm chắc chắn rồi.

Đến ngày thứ tư của vụ giết người, một đội cảnh sát rất bất ngờ kéo đến, vào trong nhà lùng sục, tìm kiếm một lần nữa rất kĩ. Tuy nhiên, tin chắc vào chỗ giấu không thể nào lộ ra được của tôi, tôi không cảm thấy bối rối chút nào cả. Không một xó nào, không một góc nào họ không tìm đến. Cuối cùng, đến lần thứ ba, hay lần thứ tư, họ xuống hầm rượu. Các thớ thịt của tôi vẫn bình thường, không

rung động. Tim tôi vẫn đập bình tĩnh như tim của một người vô tội. Tôi đi lại trong hầm rượu từ đầu này đến đầu kia. Tôi khoanh tay lên ngực đi qua đi lại thoải mái, nhẹ nhàng. Cảnh sát xem chừng đã thoả mãn và sắp sửa ra về. Niềm vui dậy lên trong tim tôi mạnh đến nỗi tôi không cảm được; tôi nóng lòng muốn nói lên dù chỉ một lần thôi, nhân dịp đặc biệt này, để làm cho họ tin thêm gấp đôi rằng tôi hoàn toàn vô tội. Cuối cùng, khi đội cảnh sát bước lên cầu thang:

- Thưa quý ông, tôi rất sung sướng làm bớt đi sự nghi ngờ của các ông. Tôi rất mong các ông tất cả đều khoẻ và lịch sự hơn một chút. Thôi xin chào các ông, và xin nói đây - đây là một ngôi nhà hết sức kiên cố (trong khi điên cuồng muốn được thoải mái một điều gì, tôi hầu như không biết tôi đang nói gì đây), tôi có thể nói ngôi nhà đã được xây dựng rất kiên cố, đến mức tuyệt vời. Những bức tường này - các ngài còn nhìn thấy không? - Những bức tường này đã được kết lại với nhau rất chắc chắn.

Và nói đến đây, muốn tỏ ra dũng cảm, tôi lấy một cây gậy gỗ mạnh lên đứng vào chỗ bức tường gạch sau đó tôi đã dựng xác của người vợ yêu quý của tôi.

Nhưng mong Chúa che chở và cứu tôi thoát khỏi nanh vuốt của ác Quỷ! Dư vang tiếng gõ của tôi chưa kịp chấm dứt, tôi đã nghe có tiếng đáp lại từ trong mộ vang ra - một tiếng kêu ban đầu như ghen ngào, rồi rạc như tiếng khóc sùi của trẻ con, nhưng rất nhanh chóng chuyển thành tiếng kêu dài, to lên và liên tục, một tiếng kêu rất lạ, không phải là tiếng người - một tiếng gào - một tiếng kêu nửa như hoảng hốt, nửa như đặc thắng, nghe như đâu từ địa ngục vang lên, đồng thời từ cổ họng của những linh hồn bị trừng phạt trong cơn sầu não, đau thương, và của những con quỷ cảm thấy hào hứng trong sự trừng phạt đó.

Thật không biết nói thế nào đây về tình trạng tư tưởng của bản thân tôi Tôi, tôi như bị mất trí, loạng choạng đi về phía bức tường đối diện. Đội cảnh sát đang ở trên cầu thang bỗng đứng sững bất động trong một chốc, phần vì quá khiếp sợ, phần vì quá kinh ngạc.

Sau đó, có mười hai cánh tay khó nhọc loay hoay chỗ bức tường. Cả bức tường đổ xuống ngay lập tức. Cái thi hài đã thối rữa hết, đang đứng sừng sững trước mặt mọi người Trên đầu xác chết, con vật ghê tởm đang ngồi đó, với cái mồm mở rộng đỏ ngầu và con mắt cô độc như ngọn lửa, con vật mà thói tình ranh của nó đã xúi tôi đi vào tội giết người và tiếng gọi báo tin của nó đã khép tôi thành người bị treo cổ. Tôi đã xây tường lấp kín con quỷ đó vào trong mồ.Kết Thúc (END)

TRUYỆN NGẮN EDGAR ALLAN POE

Edgar Allan Poe
www.dtv-ebook.com

Con Quạ

"... Poe đã viết một bài thơ nổi tiếng mà tất cả chúng ta đều biết, nổi tiếng quá đáng bởi đó không phải là một trong những bài thơ hay nhất của ông: bài Con quạ. Sau đó, trong một cuộc nói chuyện ở Boston, ông đã giải thích quá trình sáng tác bài thơ.

Đầu tiên, ông nhận thấy vai trò quan trọng của điệp khúc, sau đó ông nghĩ đến ngữ âm của tiếng Anh. Ông khẳng định rằng hai âm dễ ngân vang và có hiệu quả nhất của tiếng Anh là "o" và "r". Thế là ngay lập tức ông tìm ra cụm từ never more, "không bao giờ nữa".

Khởi đầu chỉ có vậy. Sau đó xuất hiện một vấn đề: phải làm sao để hợp lý hóa việc nhắc đi nhắc lại hai từ này, bởi vì nói chung nếu để một người làm việc đó thì không được tự nhiên lắm. Ông tự nhủ không được quá lý trí, và điều đó dẫn ông tới ý tưởng về một con chim biết nói. Ông đã nghĩ tới vẹt, nhưng loài chim này không có được những phẩm chất mà thơ ca đòi hỏi. Thế là ông chọn một con quạ. Nói một cách trung thực, khi đó ông đang đọc cuốn tiểu thuyết của Charles Dickens, Barnaby Rudge, trong đó có chuyện một con quạ. Thế là ông có một con quạ tên là Never more và nó không ngừng nhắc lại tên mình. Đó là tất cả những gì Edgar Poe có lúc ban đầu.

Sau đó ông tự nhủ: sự kiện nào đáng buồn nhất, đau khổ nhất? Chắc chắn đó là cái chết của một cô gái đẹp. Ai sẽ là người đau khổ nhất khi nghe cái tin ấy? Dĩ nhiên, đó là người yêu của nàng. Thế là ông nghĩ tới một chàng trai vừa mất người yêu, người yêu có tên là Leonore, để vãn với Never more. Chàng trai khi đó đang ở đâu? Poe suy nghĩ: con quạ màu đen. Màu đen nổi bật nhất trên nền màu gì? Màu trắng. Vậy ta hãy chọn màu trắng của bức tượng, một bức tượng của ai nhỉ? Ta hãy chọn bức tượng của Pallas Athènes. Bức tượng đặt ở đâu? Trong thư viện. Edgar Poe giải thích rằng để bài thơ được thống nhất, cần phải chọn một nơi kín đáo.

Vậy là ông đặt bức tượng Minerve trong thư viện. Chàng trai ngồi một mình trong đó, giữa những quyển sách của chàng và thương khóc người yêu đã chết, so lovesick more. Sau đó con quạ bay vào. Tại sao con quạ lại bay vào? Như ta đều biết, thư viện là một nơi yên tĩnh, vậy cần phải đưa ra một cái gì đó trái ngược: Edgar Poe tưởng tượng ra một trận bão. Đêm giông bão đã ném con quạ vào thư viện.

Chàng trai hỏi tên con quạ, nó kêu lên: never more. Chàng trai đau khổ vật vã, tiếp tục hỏi nhưng nó trả lời tất cả những câu hỏi đó bằng cách lặp đi lặp lại: never more, never more, never more, không bao giờ nữa. Nhưng chàng trai vẫn hỏi, hỏi mãi. Cuối cùng chàng trai nói với con quạ điều mà ta có thể coi là ẩn dụ đầu tiên của bài thơ: Hãy tống khứ cái mờ của mây ra khỏi trái tim tao rồi rút ra khỏi cửa. Con quạ, (đã trở thành biểu tượng của ký ức, một ký ức - đáng buồn thay - bất tử), con quạ ấy đáp: never more. Chàng trai hiểu rằng chàng đã bị kết án chung thân, rằng trong suốt quãng đời còn lại, quãng đời kỳ ảo còn lại, chàng sẽ phải chuyện trò với con quạ, con quạ chỉ biết khẳng định một điều duy nhất: không bao giờ nữa. Chàng sẽ suốt đời phải đặt cho nó những câu hỏi mà chàng đã biết

trước câu trả lời. Nói cách khác, Edgar Poe muốn chúng ta tin rằng ông đã viết một bài thơ lý trí. Nhưng chỉ cần nghiên cứu chủ đề của bài thơ kỹ hơn một chút, chúng ta sẽ nhận thấy rằng điều đó là giả tạo. Edgar Poe hoàn toàn có thể thực hiện được ý tưởng sáng tác một cách duy lý của mình nếu chọn một gã dở hơi hay một người say rượu thay cho con quạ. Khi đó chúng ta sẽ có một bài thơ khác hẳn và khó giải thích hơn."

(Jorge Luis Borges, Về truyện trinh thám, Ngô Tự Lập dịch) Một đêm nao lúc giữa đêm buồn thắm, tôi đương ngẫm ngợi một lẽ và rồi Trước cuốn sách chẳng còn ai nhớ đến khá lạ kỳ và xưa cũ Tôi đương gà gật gần như thiếp đi, đột nhiên có tiếng đập vào cửa Như có ai nhẹ nhàng gõ cửa - gõ vào cửa buồng tôi "Có khách nào", tôi khẽ nói, "đập vào cửa buồng" - Chỉ vậy thôi chẳng có gì hơn nữa À, tôi nhớ rõ, một đêm tháng chạp lạnh lẽo Mỗi thanh củi chết dần tro than, đổ hồn bóng của nó lên sàn Tôi da diết muốn trời mau sáng; - đã hoài công mượn chông sách mong ngời ngót cơn sâu - nổi sầu nàng Lenore đã mất Người trinh nữ rạng ngời hiếm có, được thiên thần gọi tên Lenore Giờ tên nàng chẳng còn trên đời nữa Và tiếng lùa xột xoạt mơ hồ buồn bã của từng tấm rèm hồng tía Làm tôi rùng mình - tràn ngập hồn tôi nỗi khiếp sợ lạ kỳ chưa cảm thấy bao giờ Để bình tâm tôi lại tự nhủ mình, "Có vị khách nào đứng ngoài cửa nài nỉ xin vào Một vị khách mượn màng nào đó, đứng ngoài cửa nài nỉ xin vào" - Thế thôi, chẳng có gì hơn nữa Lúc này tôi đã vững tâm hơn, chẳng còn e ngại nữa "Quý ông hay quý bà", tôi bảo, "thực lòng xin thứ lỗi Quả tình tôi đương thiếp ngủ, mà quý vị lại gõ quá nhẹ nhàng Lại đập quá khẽ khàng - đập cửa buồng tôi Tôi không dám chắc là đã nghe tiếng gõ" - và đây tôi mở rộng cửa Ngoài đó đêm đen chẳng có gì hơn nữa Nhìn sâu vào đêm thắm, tôi đứng đó thật lâu ngạc nhiên, sợ hãi Lòng nghi hoặc, mơ những giấc mơ chẳng người trần nào từ trước dám mơ Nhưng im lặng vẫn hoàn im

lặng, và bóng đêm chẳng hé lộ điều gì Và chỉ một từ được thốt lên, tiếng thì thầm "Lenore!" Tiếng thì thầm của chính tôi, và lầm rầm nghe vọng lại "Lenore!" Chỉ vậy thôi chẳng còn gì hơn nữa Trở lại phòng, cả hồn tôi rục rịch chấy Rồi tôi lại nghe một tiếng đập, nghe chừng còn mạnh hơn lần trước "Chắc là", tôi tự nhủ, " chắc có gì động ngoài song cửa Hăng thử xem ngoài ấy có gì, rồi sẽ tìm ra bí ẩn này Hăng cứ bình tâm giây lát, rồi sẽ tìm ra bí ẩn này Là gió thôi, chẳng có gì hơn nữa Tôi mở tung cánh cửa, con quạ vung vỉnh vỗ cánh dồn dập bước vào Một con quạ bệ vệ, trang nghiêm của những ngày thiêng xưa cũ Chẳng hề cung kính, không lúc nào dừng lại hay đứng yên Mà với bộ mặt đài các kiêu kỳ đậu vào phía trên cánh cửa buồng tôi Đậu trên tượng bán thân thần Pallas, đặt ngay phía trên cánh cửa buồng tôi Đậu chễm chệ thế thôi, chẳng có gì hơn nữa Thế rồi với bộ dạng trịnh trọng nghiêm nghị Con chim màu mun này làm tôi nguôi đi, lòng đương sầu muộn chợt thấy buồn cười "Cho dù đầu người bị xén trụi lông rồi", tôi bảo, "nom người chẳng nổi nào hèn nhất" Con quạ khùng khiếp và cổ lỗ bay lang thang thoát khỏi bờ Đêm Cho ta biết quý danh người nơi bờ Đêm địa ngục Con quạ kêu lên: "Không bao giờ nữa" Tôi kinh ngạc xiết bao khi nghe con chim lóng ngóng vụng về này phát thành lời rõ thế Dù câu trả lời khá vô nghĩa - vu vơ Bởi tôi cũng như bạn không thể tin rằng một ai trên đời này Có điểm phúc được thấy loài chim hay thú nào trên cánh cửa phòng mình Nó đậu ngay trên pho tượng phía trên cửa phòng mình Với một cái tên: "Không bao giờ nữa" Nhưng con quạ đơn độc đậu trên pho tượng câm lặng ấy, Chỉ nói mỗi một từ, dường như nó trút cạn cả linh hồn vào đó Rồi nó chẳng thốt thêm lời nào, lặng yên không động cánh Cho đến khi tôi khẽ thì thầm: "Bạn bè đã bỏ tôi bay biến đi từ trước - Và ngày mai nó lại sẽ bỏ tôi, như bao hi vọng đã bay đi từ trước Lời quạ kêu lên: "Không bao giờ nữa" Giật mình trước sự yên tĩnh bị phá vỡ bởi tiếng trả lời rất đanh và rõ

Tôi liền bảo: " Chắc lời nó thốt ra là toàn bộ vốn liếng ngôn từ Lấy từ một ông chủ bất hạnh mà tai ương tàn khốc Bám riết theo cho đến khi những bài ca nước mắt Và những lời ai điếu Niềm Hi Vọng hắt than vãn u buồn trĩu nặng "Không bao giờ- không bao giờ nữa" Con quạ cứ thế làm tôi khuây khỏa, tâm hồn đương buồn bã lại muốn mỉm cười Tôi bèn lê thẳng chiếc ghế nệm tới trước con chim, trước pho tượng bán thân và cánh cửa Rồi lún ngập trong nhung đệm, tôi miên man tưởng tượng Nghĩ ngợi con chim quái gở này từ thửa xa xưa - Con chim ác nghiệt, thô vụng, rùng rợn buồn thảm và quái gở từ thửa xa xưa Muốn nói gì khi kêu lên "Không bao giờ nữa" Đến lúc này, tôi đành ngồi ngấm đoán, không nói một lời với con chim kiêu bạc Mà đôi mắt rực lửa thiêu đốt tận tâm can Đến lúc này, ngồi dần dà đoán thêm, đầu nhẹ nhàng ngã trên nhung tím Nơi ánh đèn hau háu trùm lên Nhưng chiếc gối bọc nhung tím ánh sáng đèn hau háu trùm lên Nàng sẽ chẳng ôm ghì được nữa - không bao giờ nữa Rồi tôi cảm thấy khí trời đậm đặc hơn, đượm mùi thơm từ một lư hương vô hình Đứng đưa trên tay thiên thần mà tiếng chân buông khế vang trên thảm "Thân làm tội đời", tôi gào lên," Chúa đã ban cho người và qua những thiên thần này đã gửi tới cho người niềm khuây khỏa - niềm khuây khỏa và rượu giải sầu để lãng quên Lenore." Hãy uống, hãy uống đi chút rượu giải sầu này và quên đi nàng Lenore đã mất Con quạ kêu: "Không bao giờ nữa" "Kẻ báo điềm kia!" - Tôi bảo. - "Đồ tai ác kia! Người lặng thinh là chim hay là quỷ".

Quỷ cám dỗ phái người đến, hay bão táp quăng người dạt vào bến bờ này Vừa cô độc lại vừa ngênh ngang khinh bạc, trên mảnh đất thần diệu hoang vu này Trong ngôi nhà ám ảnh rùng rợn ấy - ta van người hãy nói thật ta nghe. Có chăng, liệu có chăng nhụy hương vùng Gilead?

Con quạ kêu lên: "Không bao giờ nữa" "Kẻ báo điềm kia!" - Tôi bảo. - "Đồ tai ác kia! - Người lặng thinh. Là chim hay là quỷ".

Có trời cao nhìn xuống chúng ta, có chúa mà hai ta tôn thờ Xin hãy bảo cho tâm hồn đang trĩu nặng buồn thương, xem trên cõi thiên đường xa xôi Nó có còn được siết vào lòng người trinh nữ thánh thiện được các thiên thần gọi tên Lenore Siết chặt người trinh nữ rạng ngời, hiếm có được các thiên thần gọi tên Lenore Con quạ kêu lên: "Không bao giờ nữa" "Là chim hay là quỷ, lời người kia là dấu hiệu của chia lìa". - Tôi đứng phắt dậy gào lên Hãy quay về với đông bão và bờ Đêm địa ngục Đừng bỏ lại một chiếc lông đen nào làm bằng cho lời dối trá mà hồn người vừa phun ra Cút khỏi pho tượng trên cánh cửa buồng ta Hãy rút mở ra khỏi tim ta và mang hình hài người biến sau khung cửa Con quạ đáp lời: "Không bao giờ nữa" Và con quạ không hề động cánh, vẫn im lìm, tọa im lìm Trên bức tượng xanh xao, tượng Pallas bán thân bên trên cánh cửa Và mắt ấy, mắt quỷ đương mơ ngủ, Và ánh đèn trên cao đổ bóng Và hồn tôi khi nào thoát khỏi Bóng quạ đen dập dềnh trên sàn Không thể nào bay lên - không bao giờ nữa!

Hoàng Tố Mai dịch từ nguyên bản tiếng Anh

Kết Thúc (END)

TRUYỆN NGẮN EDGAR ALLAN POE

Edgar Allan Poe
www.dtv-ebook.com

Trái Tim Thú Tội

Đúng! Thần kinh bị kích động đầu óc căng thẳng căng thẳng kinh khủng, nhưng đâu đến nỗi tôi điên! Cơ bệnh chỉ giúp ngũ quan tôi thêm minh mẫn, hoàn toàn không bị hủy hoại, ù lì chút nào. Nhất là thính giác thì đặc biệt càng nhạy bén. Tôi nghe thấy mọi thứ tận trời cao lẫn dưới đất sâu. Tôi nghe tất cả những điều ở tận cõi âm ty! Vậy thì làm sao tôi điên được chứ? Hãy lắng nghe nhé! Bạn sẽ thấy tôi có thể kể lại toàn bộ câu chuyện ấy tỉnh táo và thoải mái đến chừng nào.

Khó có thể nói cái ý định ấy ban đầu đã nhen nhúm trong tôi như thế nào. Đến khi nhận biết được thì nó cứ đeo đuổi tôi suốt ngày đêm. Tôi chẳng có mục đích và cũng chẳng bởi đam mê nào. Tôi thích lão già ấy. Lão chưa làm phật lòng tôi, chưa xúc phạm đến tôi lần nào, vàng bạc của lão thì tôi chẳng thiết. Theo tôi mọi sự chính tại ánh mắt của lão. Rõ thế rồi! Lão có ánh mắt của loài kèn kèn. Thứ ánh mắt màu xanh nhợt nhạt phủ màu trắng đục đục! Bất cứ lúc nào cảm thấy ánh mắt ấy xói vào là máu tôi đông cứng lại. Từng chút một, tôi đi đến quyết định phải giết lão để vĩnh viễn thoát khỏi ánh mắt ấy. Và đây mới là điểm quan trọng. Bạn cho là tôi điên nhưng người điên thì có biết gì đâu? Nếu được chứng kiến lúc đó bạn sẽ thấy tôi khôn ngoan biết bao khi tiến hành công việc-vô cùng thận trọng, tiên liệu đầy đủ mọi tình huống và cẩn mật kín đáo thì khỏi phải nói! Tôi cư xử tử tế hết mức suốt một tuần lễ trước khi giết

lão. Cứ mỗi tối, vào khoảng nửa đêm, tôi mở chốt phòng lão và đẩy tới. Ầy! Vô cùng nhẹ nhàng nhé! Khi hé ra vừa đủ, tôi đưa chiếc đèn lồng được bọc kỹ vào trước, hoàn toàn bọc kín để ánh sáng ko lọt ra, sau đó tôi chui đầu vào. Ồ, có lẽ bạn sẽ phá ra cười nếu thấy tôi chui đầu vào khéo léo đến như thế nào! Chui từ từ, thật chậm, rất chậm để khỏi kinh động giấc ngủ của lão. Mất nguyên cả giờ đồng hồ mới đưa được trọn cái đầu vào trong khe cửa, đủ sâu có thể nhìn thấy lão nằm trên giường. Ha, ha! Liệu một người điên có thể khôn ngoan như thế ko? Và khi cái đầu đã yên vị, tôi cẩn thận tháo đèn lồng ra. Ồ, cẩn thận, rất cẩn thận vì lề cửa có thể rít lên lắm chứ? Tôi tháo bọc đèn vừa đủ cho một tia sáng thật mỏng rơi vào đúng mắt kèn kèn ấy! Suốt bảy đêm liền, đêm nào tôi cũng làm như vậy, đúng vào nửa đêm. Nhưng lần nào đôi mắt lão cũng nhắm nghiền cả. Thế thì làm sao hạ thủ được? Vì đâu phải lão mà chính đôi mắt quái gở của lão đã trêu tôi cơ mà?

Và cứ thế mỗi sáng, khi ngày vừa rạng tôi lại phải liều lĩnh bước vào phòng lão, can đảm nói chuyện với lão, thân ái gọi tên cúng cơm của lão, hỏi đêm qua lão có được ngon giấc ko... Thế đây, bạn thấy rõ là lão ko thể nào đủ thông minh để có thể đoán được hằng đêm, đúng mười hai giờ, tôi lại đứng ngắm lão ngủ!

Vào đêm thứ tám, tôi mở cửa phòng lão cẩn thận hơn thường lệ. Bàn tay chuyển động còn chậm hơn kim phút đồng hồ. Hơn lúc nào hết, tôi nhận rõ sức mạnh và sự minh mẫn của mình. Khó mà kìm được một cảm giác chiến thắng dâng lên trong lòng khi nghĩ rằng mình đang đứng đó, mở nhẹ cánh cửa, từng chút, từng chút một, còn lão thì cho dù nằm mơ cũng ko thể biết được việc làm và ý nghĩ bí mật của tôi. Thú vị với ý nghĩ đó, tôi buộc miệng cười khẽ một tiếng. Hình như lão có nghe thấy bởi lão đột ngột cử động như thể bị giật mình. Bây giờ bạn nghĩ rằng tôi phải lùi bước? Ko đâu! Căn

phòng tối đen như mực, các cửa lá sách đều được đóng kín vì sợ kẻ trộm. Tôi biết rằng lão ko thể thất cánh cửa đang mở nếu cứ đẩy tới-từ từ-từ từ...

Đưa đầu vào xong, tôi định tháo đèn lồng ra, thì ngón tay khẽ chạm vào sợi dây thép buộc đèn. Lão già vùng dậy trên giường, hét lên: - Ai đó?

Tôi đứng bất động. Cả tiếng đồng hồ tôi ko nhúc nhích, cố nghe ngóng động tĩnh. Lão vẫn ko nằm xuống trở lại, ngồi im trên giường nghe ngóng-như tôi vẫn làm đêm này qua đêm khác. Lão lắng nghe thần chết mò về trên vách!

Lúc đấy tôi nghe có tiếng rên rỉ nhẹ nhẹ. Tôi biết đó là tiếng rên của nỗi kiếp đăm. Đó ko phải tiếng than vãn của đau đớn hay buồn tiếc. ồ, hoàn toàn ko phải thế! Đó là âm trầm run rẩy phát xuất tận đáy lòng người a bàng hoàng tê dại. Tôi biết rõ cái tiếng ấy. Nhiều đêm đứng nửa khuya, khi cả thế gian đã ngủ kỹ, cái tiếng ấy chợt vọt lên trong lồng ngực của tôi. trong tận cùng sâu thẳm, cái tiếng ấy vang vọng khủng khiếp và nỗi sợ hãi đầy đọa, dày vò tôi. Tôi bảo là tôi hiểu rõ lắm mà. tôi hiểu những gì lão đang cảm thấy vř thương hại lão, mặc dù thực ra tôi cũng thấy buồn cười thực. Tôi biết lão vẫn còn thức từ khi nghe tiếng động nhẹ ấy, từ lúc trở mình trên giường. Nỗi sợ hãi của lão cứ tăng dần lên mãi. Lão cố nghĩ mình nghe nhầm nhưng ko được. lão đã tự nhủ rằng: - Đây chỉ là tiếng gió lùa qua ống khói, tiếng chuột chạy trên sàn nhà hay chỉ là tiếng đế kêu. Lão tự trấn an bằng đủ mọi giả thuyết, nhưng tất cả đều vô ích. Tất cả đều vô ích vì bóng đen của thần chết đang từ từ dịch tới trước mắt lão, đang chuẩn bị chụp xuống nạn nhân. Chính cái ấn tượng ghê gớm về bóng đen vô hình ấy đã khiến lão cảm được - dù

chẳng thấy chẳng nghe - sự hiện diện của cái đầu tôi bên trong căn phòng.

Sau khi chờ đã khá lâu một cách kiên nhẫn nhưng vẫn ko nghe lão nằm xuống, tôi quyết định hé mở chiếc đèn lồng chút xíu, thật nhỏ, cực nhỏ.

Thế là tôi đã mở ra-bạn ko thể tưởng tượng nổi tôi đã cẩn thận đến nhường nào-một tia sáng mỏng manh như tơ nhện chiếu đúng ngay con mắt kèn kèn ấy! Con mắt mở lớn, căng tròn xoe khiến tôi điên tiết. Tôi đã thấy rõ nó với đầy đủ các đặc điểm-mà xanh chết giả và lớp màng đục đục gờm gờm. Tất cả cứ khiến tôi lạnh rùng đến tận xương tủy. Tôi ko thể thấy bộ mặt và hình dáng của lão, vì, tựa như bản năng, tôi đã chiếu tia sáng đúng ngay cái chỗ đáng nguyên rủa ấy.

Tôi đã chẳng nói rằng bạn sẽ làm khi cho là tôi điên sao? ấy chỉ là sự miễn cảm! và đây, lúc này, tôi nghe thấy một âm thanh trầm đục, nhanh như tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ được bọc kín trong bông. Đó là tiếng đập của trái tim lão. Nó càng khiến tôi thêm phần nộ, nghe như tiếng trống thúc quân ra trận vậy!

Nhưng dù thế tôi vẫn cứ chần chừ bất động và cảm thấy khó thở. Tôi giữ im chiếc đèn, cố gắng giữ tia sáng tiếp tục chiếu thẳng vào con mắt lão. Tiếng trống thúc quân mỗi lúc càng giục giã vang to hơn! Nỗi sợ hãi trong lão đã lên đến cực độ! tiếng tim đập càng lúc càng lớn! Bạn có hiểu tôi rõ ko? Tôi đã nói với bạn rằng tôi bị kích động, đúng thế đấy! Và lúc ấy, trong đêm đen, giữa cái giờ chết chóc cùng nỗi im ắng rợn người của ngôi nhà cổ kính, cái âm thanh quá đổi kỳ dị ấy đã kích thích trong tôi một nỗi sợ hãi ko thể kìm chế được. Nhưng tôi vẫn chần chừ bất động thêm vài phút nữa. Tiếng đập lại to hơn, to hơn nữa. Tôi nghĩ trái tim ấy có lẽ phải vỡ ra

mất. Và bây giờ một nỗi lo sợ mới lại đến trong tôi-hàng xóm cũng có thể nghe thấy tiếng đập này!

...Giờ của lão đã đến rồi! Với một tiếng hét lớn, tôi ném toạch chiếc đèn lồng, nhảy xổ vào phòng. Lão chỉ kịp thét lên một lần, chỉ một lần. Trong chớp mắt, tôi lôi tuột lão xuống sàn, đè ụp chiếc giường nặng lên người lão. Tôi cười thỏa mãn khi thấy công việc đã được thực hiện dễ dàng, suôn sẻ. Tuy nhiên, vài phút sau, trái tim lão vẫn tiếp tục âm ục đập. Nhưng việc ấy chẳng đáng để tôi bận tâm vì nó ko vang nổi ra ngoài phòng. Cuối cùng nó ngưng bật. Lão già đã chết. Tôi nhấc chiếc giường lên xem thi thể. Lão chết ngoác rồi. Tôi đặt tay lên ngực lão một lúc. Chẳng còn tiếng đập nào nữa. Lão đã chết cứng rồi. Con mắt của lão chắc chắn ko còn làm phiền tôi được nữa.

Và bây giờ đây bạn vẫn cho rằng tôi điên thì bạn sẽ ko nghĩ như thế khi tôi thuật lại sự khôn ngoan thận trọng của tôi trong việc chôn dấu tử thi. Đêm gần tàn tôi hành động vội vã nhưng hoàn toàn yên lặng. Trước tiên tôi chặt nhỏ tử thi, cắt rời đầu và chân tay. Gỡ ba miếng vụn sụn, tôi nhét tử thi vào những khoảng trống rồi gắn lại khéo đến nỗi ko có cặp mắt nào - kể cả mắt lão - có thể khám phá được điều gì. Chẳng có gì phải chùi cả. Ko một vết tích nhỏ, ko một giọt máu nào vương vãi. Tôi hết sức cẩn trọng đề phòng việc đấy. Chiếc hòm gỗ đã dấu trọn tất cả. Ha, ha, ha...

Khi tôi hoàn tất công việc thì đã bốn giờ sáng, trời vẫn còn tối đen. Bỗng có tiếng gõ cửa dưới nhà đúng lúc chuông đồng hồ đổ giờ. Tôi bước xuống mở cửa, lòng nhẹ nhõm. Bây giờ còn việc gì nữa mà phải sợ cơ chứ? Ba người bước vào nhà. Họ tự giới thiệu là nhân viên an ninh. Một người hàng xóm nghe thấy tiếng la thất

thanh trong đêm, sự việc ấy dẫn đến nghi vấn, cơ quan an ninh đã được báo tin, cử họ đến kiểm tra sơ bộ.

Tôi mỉm cười - có việc gì phải sợ nhỉ? Tôi mời họ vào nhà và giải thích rằng tiếng la ấy chính là của tôi trong cơn mộng mị, mê mẩn. Tôi cũng cho họ biết lão già ấy đã về quê. Tôi đưa những vị khách đi khắp nhà, tôi mời họ khám xét thật kỹ lưỡng vào! Cuối cùng tôi đưa họ vào phòng lão già. Tôi chỉ cho họ thấy cửa cải của lão vẫn an toàn, chưa động dấy gì cả. Quá vui với lòng tự tin, tôi mang ghế vào căn phòng ấy, mời họ ngồi ngay tại đó giải lao một chút. Và với sự liều lĩnh của một kẻ chiến thắng, tôi đặt ghế của mình ngồi ngay trên đầu tử thi.

Các nhân viên an ninh tỏ vẻ hài lòng. Thái độ của tôi đã thuyết phục được họ. Tôi rất thoải mái tự nhiên. Họ ngồi đó và khi tôi vui vẻ trả lời, họ cũng đáp lại bằng những mẩu chuyện vui vớ vẩn. Nhưng dần dà tôi thấy người cứ tái đi và tôi chỉ mong họ ra về. Đầu nhức buốt, tôi nghe như có tiếng chuông reo bên tai. Nhưng họ vẫn ngồi, vẫn trò chuyện bâng quơ. Tiếng ù ù trong tai tôi trở nên nghe rõ hơn - lại tiếp tục và lại to hơn. Tôi cố nói cười tự nhiên để xua đuổi cảm giác ấy. Nhưng nó vẫn tiếp tục và lại càng rõ hơn.

Cuối cùng tôi chợt nhận ra âm thanh ấy ko phải ở trong tai tôi.

Ko nghi ngờ gì nữa, tôi tái mặt đi, nhưng vẫn cố nói năng lưu loát hơn, mạnh dạn hơn. Âm thanh kia vẫn gia tăng, tôi biết phải làm gì đây? Đó là âm thanh trầm đục, nhanh gọn, quá dỗi giống tiếng tíc tắc của chiếc đồng hồ được bọc trong bông! Tôi thở hổn hển nhưng họ vẫn chưa nghe thấy những tiếng đập ấy. Tôi nói nhanh hơn, hùng hồn hơn, cố át đi. Nhưng âm thanh ấy vẫn tăng dần. Tôi đứng lên, tiếp tục bàn về vấn đề cướp bóc với giọng sang sảng, điệu bộ mạnh mẽ. Nhưng tiếng đập vẫn cứ to thêm. Tại sao họ ko đi cho rồi nhỉ? Tôi

đi đi lại lại trên sàn nhà, bước chân nặng chịch như bị kích động giận dữ trước sự quan sát của họ. Nhưng tiếng đập vẫn cứ tăng đều. Ôi, thượng đế ơi! Tôi có thể làm gì đây? Tôi nói đến sùi bọt mép. Tôi nổi cáu, tôi nguyên rủa! Tôi day lắc chiếc ghế ngồi, tôi trà mạnh chân lên sàn nhà. Nhưng âm thanh ấy vẫn nổi lên trên và tiếu tục tăng đều. Nghe lớn thêm, lớn thêm, lớn thêm! Ba nhân viên an ninh vẫn trò chuyện vui vẻ và cười nói nữa chứ! Có thể nào họ chẳng nghe thấy? Lạy chúa! Ko, ko thể thế được! Họ nghe cả rồi! Họ nghi ngờ! Họ biết hết rồi! Họ cố tình đùa cợt trên nỗi thống khổ của tôi! Tôi đã nghĩ đến điều ấy.

Tôi biết rõ điều ấy lắm! Ko còn gì tệ hại hơn nỗi đau khổ này! Ko thể khoan dung cho sự nhạo báng này được! Tôi ko chịu nổi những nụ cười giả dối ấy nữa. Hoặc tôi phải thét lên hoặc chết đi thôi!

Và bây giờ - một lần nữa! Hãy nghe đây! Nó vang! Vang! Vang! Vang!

- Đồ đều! - Tôi hét lên - Đừng giả vờ nữa! Tôi nhận tội đây! Gỡ vãn sàn lên. Đây, đây này! Trái tim tởm lợm của lão ấy vẫn còn đập đấy.

Kết Thúc (END)

TRUYỆN NGẮN EDGAR ALLAN POE

Edgar Allan Poe
www.dtv-ebook.com

Thùng Rượu Amontillado

Đã có cả ngàn lần xúc phạm của Fortunato đối với tôi, và tôi đã cố sức chịu đựng. Nhưng khi anh ta cả gan mạ lỵ tôi, tôi thề rửa hận. Là người rõ bản tính tôi, bạn sẽ không cho rằng tôi chỉ dọa suông. Chẳng chóng thì chầy tôi sẽ trả được thù; chuyện ấy đã hẳn - chính quyết tâm sắt đá của tôi trong việc trả thù đã loại trừ ý nghĩ rằng việc đó là liều lĩnh. Tôi không chỉ trừng phạt, mà còn phải trừng phạt sao cho không bị báo thù. Không thể uốn nắn một việc làm sai quấy nếu chính kẻ uốn nắn lại bị trả đũa. Cũng không thể uốn nắn một việc làm sai quấy nếu kẻ trừng phạt không cho người làm điều sai biết mình là ai.

Phải hiểu rằng tôi không hề làm Fortunato nghi ngờ thiện ý của tôi, dù bằng lời nói hay hành động. Tôi tiếp tục mỉm cười với anh ta như lệ thường, và anh ta không nhận ra nụ cười của tôi bây giờ là vì ý nghĩ tể sống anh ta.

Mặc dù trong những khía cạnh khác anh ta là người đáng nể, thậm chí đáng sợ, Fortunato có một yếu điểm. Anh ta tự hào về sự hiểu biết rượu nho của mình. Không có mấy người Ý có tinh thần bậc thầy thực sự. Phần lớn sự nồng nhiệt của họ được vơ vào cho phù hợp với thời thế và cơ hội, để thực tập lừa đảo bọn triệu phú người Anh và Áo. Về hội họa và đá quý, Fortunato là tay bịp như đồng hương của anh ta, nhưng về rượu nho lâu năm anh ta quả thật

là tay tổ. Trong khía cạnh này tôi không khác anh ta bao nhiêu. Tôi sành rượu nho Ý, và mua hầu như bất cứ khi nào tôi có thể.

Một buổi chiều gần tối, trong sự điên rồ tốt độ của mùa hội hè, tôi gặp anh bạn. Anh ta chào tôi với vẻ ân cần thái quá, vì anh ta đã uống nhiều. Trang phục theo lối hè, anh ta mặc bộ quần áo sọc bó sát, đầu đội mũ nhọn có gắn chuông. Tôi rất hài lòng gặp được anh ta, đến nỗi tôi tưởng mình không thể ngừng lắc mạnh tay anh ta.

Tôi bảo anh ta:

"Fortunato thân mến, gặp anh may quá. Hôm nay anh trông bảnh bao lắm! Nhưng tôi nhận được một thùng rượu nghe nói là Amontillado, và tôi hơi nghi ngại." "Thế nào?", anh ta nói.

"Amontillado? Một thùng? Không thể nào. Lại còn ngay giữa ngày hội?" "Tôi có nghi ngờ", tôi trả lời, "và tôi ngốc đến nỗi trả đúng giá Amontillado mà không hỏi ý anh. Tìm không ra anh, nhưng tôi sợ mất đi món hời".

"Amontillado!" "Tôi có nghi ngờ." "Amontillado!" "Và tôi phải làm vừa lòng họ." "Amontillado!" "Anh đã bận, tôi đi kiếm Luchresi vậy. Nếu có ai có tài phê bình, chính là anh ta. Anh sẽ bảo tôi..."

"Luchresi không phân biệt nổi Amontillado với Sherry." "Thế mà mấy tên khờ khạo lại bảo rằng tài nếm của anh ta ngang với anh." "Đi nào, mình đi." "Đi đâu?" "Tới hầm nhà anh." "Bạn ơi, không được. Tôi sẽ không làm phiền lòng tốt của bạn. Tôi thấy bạn đã có hẹn. Luchresi..." "Tôi không có hẹn nào cả; đi nào." "Bạn ơi, không được. Không phải là chuyện hẹn, nhưng tôi thấy anh đang mắc phải bệnh cảm nặng. Hầm ẩm ướt chịu không nổi. Chúng phủ đầy quặng." "Dù sao đi nữa, mình cứ đi. Bệnh của tôi xoàng thôi. Amontillado! Anh bị lừa rồi; còn Luchresi, anh ta không đủ sức phân biệt Sherry với Amontillado." Vừa nói, Fortunato vừa nắm lấy cánh tay tôi. Đeo một

tắm mặt nạ lụa đen, quần tắm roquelaire quanh mình, tôi để anh ta kéo vôi đến dinh thự của mình.

Không có gia nhân nào ở nhà; chúng đã lên đi ăn mừng mùa hội. Tôi bảo chúng đến sáng tôi mới về, và dặn chúng hẳn hoi không được đi đâu. Tôi biết rõ mấy lời này đã đủ bảo đảm chúng sẽ biến mất ngay cả lũ ngay sau khi tôi vừa quay lưng.

Tôi lấy ở chân đèn trên tường hai ngọn đuốc, đưa một cho Fortunato, dẫn anh ta cúi đầu đi xuyên qua nhiều căn phòng đến cánh cửa vòng cung dẫn vào hầm. Tôi xuống một cầu thang dài uốn khúc, dặn anh ta cẩn thận khi đi theo. Cuối cùng chúng tôi đến chân thang, đứng bên nhau trên nền đất ẩm của khu hầm mộ dòng Montresor.

Bước đi của bạn tôi không vững, và mấy cái chuông trên mũ anh ta reo lên khi anh ta đi.

"Thùng rượu", anh ta nói.

"Xa hơn nữa", tôi nói; "nhưng hãy xem màng tơ trắng óng ánh trên những tường hầm." Anh ta quay về phía tôi và nhìn vào mắt tôi với hai con ngươi phủ mờ tiết ra chất nhờn của nỗi say sưa:

"Quặng?", sau cùng anh ta hỏi.

"Quặng", tôi trả lời, "Anh bị ho bao lâu rồi?" "Hự... hự... hự..." Anh bạn tội nghiệp của tôi không trả lời được trong một lúc:

"Không có gì đâu", cuối cùng anh nói.

"Đi nào", tôi nói, cương quyết, "chúng ta quay về thôi; sức khỏe của anh là quý. Anh giàu có, được trọng vọng, ngưỡng mộ, yêu

mến; anh vui sướng, như tôi trước kia. Mọi người sẽ nhớ anh. Với tôi thì không đáng kể gì. Chúng ta quay lại thôi; anh sẽ bị bệnh, tôi không thể gánh trách nhiệm. Vả lại, còn có Luchresi..." "Đủ rồi", anh nói; "Chúng ho xoàng đấy thôi. Nó không giết tôi đâu. Tôi sẽ không chết vì một chứng ho." "Phải, phải", tôi trả lời, "quả tình tôi không có ý làm anh lo lắng vô ích - nhưng anh phải cẩn thận mọi bề. Một ngụm của loại Medoc này sẽ bảo vệ chúng ta chống cái ẩm." Đến đây tôi đập bẻ cổ một chai rượu tôi kéo ra từ một hàng rượu cùng loại nằm trên giàn.

"Uống đi", tôi đưa rượu cho anh ta.

Anh ta nâng nó lên môi với vẻ láu cá. Anh ta ngưng lại và gật đầu thân mật với tôi, trong khi mấy cái chuông reo lên.

"Tôi uống để chúc những người chôn cất yên nghỉ quanh chúng ta", anh ta nói.

"Và tôi chúc anh sống lâu." Anh ta lại quàng tay tôi, và chúng tôi tiếp tục đi.

"Hầm mộ này rộng quá", anh ta nói.

"Montresor là một giòng dõi lớn và đông đảo", tôi trả lời.

"Tôi quên mất gia huy của anh." "Một bàn chân người bằng vàng thật to, trên cánh đồng xanh; bàn chân giẫm lên một con rắn ngóc đầu, răng nọc của nó đâm sâu vào gót chân." "Còn gia hiệu?" "Nemo me impune lacessit." [1] "Hay!", anh ta nói.

Rượu nho lấp lánh trong mắt anh ta và mấy cái chuông leng keng. Trí tưởng tượng của tôi cũng ấm lên với rượu Medoc. Chúng tôi đi qua những bức tường dựng bằng xương chất đống, với những

thùng rượu lớn nhỏ để lẫn lộn, vào khu sâu nhất của hầm mộ. Tôi ngừng lần nữa, và lần này tôi bạo dạn nắm cánh tay Fortunato, chỗ trên khuỷu.

"Quặng", tôi nói, "xem này, nó nhiều lên. Nó bám như rêu trên hầm. Chúng ta đang ở dưới lòng sông. Giọt khí ẩm nhỏ qua đóng xương. Đi nào, chúng ta trở lại trước khi quá trễ. Bệnh ho của anh..." "Chỉ xoàng thôi," anh nói, "mình cứ đi tiếp. Nhưng trước hết, thêm ngụm Medoc nữa." Tôi đập bể một hũ De Grave và đưa cho anh ta. Anh ta nốc một hơi cạn sạch. Mắt anh ta ánh lên tia sáng dữ dội. Anh ta cười và ném cái chai lên với một cử chỉ tôi không hiểu.

Tôi ngạc nhiên nhìn anh ta. Anh ta lập lại cử động - một cử chỉ cường điệu.

"Anh không hiểu à?", anh ta nói.

"Không", tôi trả lời.

"Thế thì anh không phải là anh em." "Sao?" "Anh không thuộc những người xây cất." "Vâng, vâng," tôi nói, "vâng, vâng." "Anh? Không thể nào! Người xây cất?" "Người xây cất", tôi trả lời.

"Một dấu hiệu", anh ta nói, "một dấu hiệu." "Nó đây", tôi trả lời, giơ ra một cái bay giấu trong nếp gấp mảnh roquelaire của mình.

"Anh đùa thôi," anh ta kêu lên, lùi lại vài bước, "nhưng mình đi đến chỗ Amontillado đi." "Thì thế vậy," tôi nói, cất lại dụng cụ dưới áo choàng và lại đưa tay cho anh ta nắm. Anh ta dựa mạnh vào đó. Chúng tôi tiếp tục con đường đi kiếm Amontillado. Chúng tôi xuyên qua một dãy vòm thấp, đi xuống, đi tiếp, lại đi xuống, đến một hầm

mộ sâu, trong đó không khí tẻ đến mức đuốc chúng tôi chỉ rực lên thay vì cháy sáng.

Cuối hầm mộ đó có một hầm mộ khác nhỏ hơn. Tường của nó phủ xương người chất cao tận vòm, theo kiểu những hầm mộ lớn của Paris. Ba mặt của hầm mộ phía trong này vẫn còn trang hoàng theo lối này. Mặt thứ tư xương đã bị ném xuống, nằm ngổn ngang trên đất, có chỗ tạo thành một đống nhỏ. Trong bức tường lộ ra vì xương đổ, chúng tôi thấy một hầm nhỏ hơn nữa phía trong, sâu khoảng 4 bộ, rộng ba bộ, cao sáu hay bảy bộ... Nó dường như được tạo ra không phải để dùng cho mục đích đặc biệt nào mà chỉ là khoảng giữa của hai cột to đỡ trần hầm mộ, dựa lưng vào một trong mấy bức tường đá cứng chung quanh.

Fortunato nhắc ngọn đuốc mờ của anh ta, cố nhìn vào bên trong hầm nhưng không thấy được gì. Ánh sáng yếu ớt không cho chúng tôi thấy tận cùng của nó.

"Tiến tục đi", tôi nói; "đây là Amontillado. Còn Luchresi..." "Hắn là gã ngốc", bạn tôi ngắt ngang, lão đảo tiến tới, trong khi tôi theo sát gót. Trong một thoáng anh ta đã đến cuối hầm và thấy bước tiến của mình đã bị đá cản lại, anh ta đứng sững với vẻ ngạc nhiên ngờ nghệch. Một thoáng sau tôi đã khóa anh ta vào đá. Trên mặt đá là hai vòng sắt, xa nhau chừng hai bộ bề ngang. Một trong hai vòng sắt này có dính một dây xích ngắn, vòng kia có ổ khóa. Quăng sợi xích quanh eo anh ta, chỉ cần mất vài giây để ràng khóa lại. Anh ta không chống chọi vì quá kinh ngạc. Rút chìa khóa ra, tôi lùi khỏi hầm.

"Rà tay lên tường, anh không thể không sờ thấy quặng. Thật sự không khí ẩm lắm. Một lần nữa tôi xin anh trở về. Không về à? Thế thì tôi nhất định bỏ anh lại thôi. Nhưng trước hết tôi phải tỏ cho anh

hết sự ân cần trong khả năng của tôi." "Amontillado!", bạn tôi kêu lên, vẫn chưa hết kinh ngạc.

"Phải", tôi trả lời, "Amontillado." Trong khi nói tôi bận lực trong mấy đồng xương tôi đã nhắc đến. Quăng chúng sang bên cạnh, tôi tìm ra ngay một số đá xây và vữa hồ. Bằng số vật liệu này và với cái bay, tôi bắt đầu ra sức xây tường bịt ngõ vào hầm.

Chưa lát xong hàng đá đầu tiên, tôi khám phá rằng Fortunato đã tỉnh rượu nhiều. Dấu hiệu đầu tiên tôi có là tiếng rên nho nhỏ từ đáy hầm. Nó không phải là tiếng kêu của người say. Sau đó là sự im lặng dài buồn bã bình. Tôi đặt lớp đá thứ nhì lên, rồi lớp thứ ba, rồi lớp thứ tư; và tôi nghe tiếng xích rung loảng xoảng. Tiếng động kéo dài nhiều phút, trong thời gian đó tôi ngừng tay và ngồi xuống đồng xương để lắng nghe cho thỏa thích. Cuối cùng khi tiếng leng keng dịu xuống, tôi lại cầm cái bay, và kết thúc lớp thứ năm, thứ sáu và thứ bảy không bị gián đoạn. Bức tường bây giờ gần tới ngang ngực tôi. Tôi ngưng lần nữa, giờ ngọn đuốc trên công trình đang xây cất, rọi vài tia sáng yếu ớt vào cái hình dáng bên trong.

Một chuỗi dài tiếng kêu thét chói óc bật ra bất ngờ từ cổ họng của hình dáng bị xiềng dường như đẩy mạnh tôi lùi lại. Trong một thoáng tôi ngập ngừng - Tôi run lên. Rút thanh kiếm ra khỏi vỏ, tôi bắt đầu dùng nó dò quanh hầm; nhưng trong chốc lát một ý nghĩ làm tôi yên lòng. Tôi đặt tay lên trên kiến tạo vững chắc của hầm mộ và cảm thấy thỏa mãn. Tôi trở lại gần bức tường. Tôi trả lời kẻ đang gào thét. Hấn gào, tôi cũng gào, tôi phụ họa với hắn, tôi gào to hơn và dai hơn hắn. Tôi làm thế, và tiếng gào im bật.

Bây giờ là nửa đêm, công việc của tôi đã gần xong. Tôi đã hoàn tất lớp thứ tám, thứ chín, thứ mười. Tôi đã làm xong một phần của lớp thứ mười một và là lớp chót; chỉ còn chỗ để đặt một viên đá duy

nhất vào và trát lại. Tôi vất vả với sức nặng của nó; tôi đặt nó một phần vào chỗ dành cho nó. Nhưng bây giờ từ trong hầm vọng ra một tiếng cười trầm trầm làm tóc trên đầu tôi dựng lên. Tiếp theo đó là giọng nói buồn rầu tôi khó nổi nhận ra của Fortunato cao quý. Giọng nói bảo:

"Ha Ha Ha! Hì hì, quả là một trò đùa thực hay - một trò cười xuất sắc. Chúng ta sẽ cười rất vui vì nó ở dinh thự - hì hì hì! - trong lúc uống rượu - hì hì hì!" "Amontillado!", tôi nói.

"Hì hì hì! - vâng, Amontillado. Nhưng không phải khuya rồi sao? Không phải họ đang chờ chúng ta ở dinh thự sao, phu nhân Fortunato và tất cả? Chúng ta đi nào." "Phải", tôi nói, "chúng ta đi nào." "Vì tình yêu Thượng Đế, Montresor!" "Phải," tôi nói, "vì tình yêu Thượng Đế." Nhưng tôi lắng nghe mà không thấy tiếng trả lời. Tôi sốt ruột. Tôi gọi lớn:

"Fortunato!" Không có tiếng trả lời. Tôi lại gọi:

"Fortunato!" Vẫn không có tiếng trả lời. Tôi đẩy ngọn đuốc qua kẽ hở còn lại và để nó rơi vào bên trong. Chỉ có tiếng mấy cái chuông reo trả lời. Tim tôi mệt mỏi - vì sự ẩm ướt của hầm mộ. Tôi vội vã làm cho xong công việc. Tôi ấn viên đá cuối cùng vào chỗ; tôi trát vữa lên. Tôi dựng lại bức thành xương tựa vào công trình xây cất mới. Nửa thế kỷ rồi chưa có người trần nào làm phiền đến chúng. In pace requiescat! [2]

Chú thích:

[1] Không kể nào khiêu khích ta mà tránh khỏi sự trừng phạt.

[2] Yên nghỉ.

Kết Thúc (END)

TRUYỆN NGẮN EDGAR ALLAN POE

Edgar Allan Poe
www.dtv-ebook.com

Bản Thảo Tìm Thấy Trong Chai

Khi cuộc sống chỉ còn trong khoảnh khắc Nào có ai muốn giấu giếm điều chi Quinault-Atys Về quê hương và gia đình, tôi chẳng có gì nhiều để nói. Sự bạc đãi đã khiến tôi phải rời bỏ quê hương, và rồi sau những năm tháng quá dài tôi trở thành xa lạ với cả gia đình mình. Sự giàu có của dòng họ đã giúp tôi có được một số vốn học vấn hơn người. Tôi đã suy nghĩ và sắp xếp một cách có phương pháp những gì gặt hái được trong việc học chăm chỉ trước đây. Trên tất cả, những tác phẩm của các triết gia Đức mang lại cho tôi nhiều thích thú, tất nhiên không phải do sự thán phục mù quáng, mà nhờ có thì giờ nhàn rỗi cộng với thói quen suy nghĩ một cách nghiêm nhặt, tôi đã khám phá ra những sai lầm của họ. Tôi thường bị chê trách bởi tài năng vô vị ấy. Mọi người trút vào tôi cái tội thiếu óc tưởng tượng. Còn việc tôi luôn luôn có thái độ của một người theo chủ nghĩa hoài nghi trong mọi vấn đề là điều ai cũng biết rõ. Mà thật vậy, tôi e rằng bởi quá say mê triết học vật lý nên tôi đã phạm vào điều lầm lỗi phổ thông nhất của thời đại này. Đó là thói quen luôn luôn liên hệ mọi sự việc, ngay cả khi ít có khả năng nhất, với những nguyên lý của triết học ấy. Tóm lại, chính tôi là kẻ đáng phải chịu trách nhiệm nặng hơn ai hết nếu tôi tự để cho mình bị mê hoặc bởi những "ánh lửa chớp chòen" của óc mê tín dị đoan vượt ra ngoài ranh giới khắc nghiệt của chân lý. Tôi quyết định viết những lời nhập đề dài dòng này vì e rằng câu chuyện khó tin tôi sắp kể ra đây sẽ bị

xem là điều điên rồ của một trí tưởng tượng lỗi mẫn chứ không phải là một kinh nghiệm tích cực của một trí tuệ vốn vẫn xem những điều mơ mộng viễn vông chỉ là một bức thư không có người nhận và hoàn toàn vô giá trị.

Đã nhiều năm lang bạt ở nước ngoài, lần này tôi đáp tàu từ cảng Batavia nằm trên đảo Java sầm uất và giàu có để đến Archipelago thuộc quần đảo Sunda. Tôi cứ đi mãi như vậy không có mục đích gì mà chỉ bởi cái tâm trí vốn bất định của tôi cứ luôn dầy vò dằn vặt như một kẻ bị ma ám.

Chiếc tàu tôi đi rất đẹp, trọng tải khoảng bốn trăm tấn, vỏ bọc đồng, đóng tại Bombay bằng gỗ téch vùng Malabar. Nó chở đầy bông vải và dầu ăn từ quần đảo Lachadi. Trên tàu còn có cả sợi dứa, đường thốt nốt, bơ, hạt cacao và một vài thùng thuốc phiện. Hàng hóa chất lên tàu rất cao thả nên tàu dễ bị chòng chành.

Chúng tôi lên đường khi có gió nhẹ, suốt nhiều ngày liền tàu vẫn còn đi gần bờ biển phía đông Java. Chẳng có chuyện gì lạ để chúng tôi có thể giải khuây sự buồn tẻ đơn điệu của cuộc hành trình ngoài những chiếc thuyền nhỏ hai cột buồm với những cánh buồm hình tam giác của dân bản xứ thuộc đảo Archipelago mà chúng tôi vẫn còn ở trong hải phận của nó.

Một buổi chiều, đứng tựa lan can phía đuôi tàu, tôi nhìn thấy một đám mây lẻ loi rất kỳ lạ ở hướng tây bắc. Lạ không những vì màu sắc của nó mà còn vì đó là đám mây đầu tiên xuất hiện kể từ khi chúng tôi rời bến Batavia. Tôi chăm chú quan sát đám mây cho tới lúc mặt trời sắp lặn. Lúc ấy, thỉnh thoảng nó trải dài từ đông sang tây, che kín đường chân trời bằng một dải hơi nước hẹp, từ xa trông giống một bờ cát dài. Tôi chuyển sự chú ý vào mặt trăng màu đỏ bầm đang từ từ xuất hiện và cái vẻ lạ lẫm của biển. Biển thay đổi

thật nhanh, làn nước trở nên trong suốt một cách bất thường. Mặc dù tôi có thể nhìn rõ mồn một đáy biển, nhưng khi tôi thả dây buộc chì xuống đo mới rõ độ sâu lên đến ba mươi mét. Không khí lúc này trở nên oi bức không chịu nổi, hơi nóng bốc lên cuộn cuộn hết như ta thường thấy ở một cái bàn là nóng. Khi đêm xuống, trời không một chút gió, sự yên tĩnh khó có thể tưởng tượng nổi. Ngọn lửa cây nến cuối đuôi tàu hầu như không lay động. Một ngọn tóc cắm trên đầu ngón tay cũng không thể nào nhận ra nó có đung đưa hay không. Tuy nhiên con tàu cứ bị giật dãn vào bờ. Viên thuyền trưởng thấy không có triệu chứng nào nguy hiểm, ra lệnh cho thủy thủ cuộn buồm, thả neo. Không cất người canh, cả đám thủy thủ, chủ yếu người Malaysia, nằm nghỉ la liệt trên sàn tàu.

Tôi bước xuống hầm tàu, lòng linh cảm điều không may. Thật vậy, những triệu chứng ấy khiến tôi lo sắp có bão. Tôi thổ lộ với viên thuyền trưởng nhưng ông ta chẳng để ý gì đến lời tôi, quay lưng đi không một tiếng trả lời. Tuy thế, lòng tôi vẫn cứ bất an, không thể ngủ được. Khoảng nửa đêm tôi lại trèo lên boong. Khi bước lên tới bậc thang trên cùng, tôi giật mình bởi tiếng rì rào rất lớn nghe như tiếng cối xay, và trước khi tôi kịp hiểu xuất xứ, toàn thân con tàu rùng lên. Ngay liền đó, một đợt sóng dữ dội hất tôi ngã xuống. Sóng rùng rùng tràn qua mọi người, quét sạch sàn tàu từ mũi đến tận lái.

Sự hung hãn đến cực điểm của cơn gió hầu như lại giúp cho con tàu sống sót. Mặc dù đã ngập hấn trong nước và các cột buồm gãy phăng, một phút sau con tàu từ từ trồi lên, lắc lư một lúc bởi sức ép quá lớn của cơn bão rồi đứng thẳng.

Nhờ điều kỳ diệu nào mà tôi thoát chết là việc không thể cắt nghĩa nổi. Tỉnh lại sau cơn choáng váng vì bị sóng đập, tôi thấy mình kẹt cứng giữa cang và bánh lái. Khó khăn lắm tôi mới đứng

dây được. Lão đảo nhìn quanh, đầu tiên tôi nhận ra mình đang đứng giữa một cảnh đồ nát. Cho dù có một trí tưởng tượng man rợ nhất cũng phải vô cùng kinh sợ bởi tôi nhận ra con tàu đang ở giữa vùng biển sôi sục những cột nước cao như núi. Lát sau, tôi nghe tiếng của ông già người Thụy Điển, hành khách cuối cùng lên tàu vừa kịp lúc nhổ neo. Tôi lấy hết sức để gọi. Ông già nghe được, liền bước về phía lái. Chúng tôi nhận ra chỉ còn hai chúng tôi sống sót sau tai nạn vừa qua. Mọi thứ trên boong tàu đều bị quét sạch xuống biển. Viên thuyền trưởng và các sĩ quan đều chết ngạt trong cabin vì nước biển tràn vào quá nhanh. Không còn ai phụ giúp, chúng tôi khó hy vọng làm được gì nhiều cho sự an toàn của con tàu. Và thoát tiên cái hy vọng nhỏ nhoi ấy cũng bị dập tắt vì hình như con tàu sắp chìm đến nơi rồi. Dĩ nhiên sợi dây neo đã đứt phăng như một sợi dây cột đồ ngay từ khi đợt gió đầu tiên thổi tới, chứ nếu không chúng tôi đã chìm ngấm rồi. Con tàu bị gió cuốn phăng trên mặt biển. Những đợt sóng trắng xóa tung lên trên đầu chúng tôi. Bánh lái gãy hoàn toàn. Khắp con tàu hầu như bộ phận nào cũng bị hư hại đáng kể. Nhưng chúng tôi đã quá đổi mừng khi thấy những cái bơm nước không bị nghẹt và những vật nặng dùng để giằng thuyền được thăng bằng không bị dời chỗ. Chúng tôi cảm thấy mỗi nguy hiểm vì gió đã giảm nhiều, nhưng khi nghĩ đến việc gió sẽ hoàn toàn ngưng thổi chúng tôi lại vô cùng kinh hãi vì tin chắc rằng trong tình trạng hư hỏng thế này con tàu sẽ bị hủy diệt dưới những cơn sóng ghê gớm. Nhưng cái điều dự đoán chính xác này dường như không trở thành sự thực ngay. Suốt năm ngày đêm, trong thời gian này chúng tôi sống bằng vài viên đường thốt nốt khó khăn lắm mới moi được ở đầu mũi tàu - con tàu trôi nhanh vùn vụt. Những cơn gió cứ tiếp tục nổi lên, không dữ dội như lúc cơn bão bắt đầu nhưng vẫn kinh khiếp hơn tất cả những gì tôi đã từng trông thấy trước đây. Suốt bốn ngày đầu, con tàu lao theo hướng nam - đông nam, thỉnh thoảng có

thay đổi một chút, và như thế chúng tôi sẽ đâm thẳng vào bờ biển Tân Hà Lan. Ngày thứ năm, trời lạnh ghê gớm, mặc dù gió đổi chiều chéch về hướng bắc. Mặt trời nhô lên với những tia sáng vàng vọt bệnh hoạn. Nó chỉ lè lên được chừng vài độ trên đường chân trời, không tỏa ra mấy chút ánh sáng. Không một đám mây nào xuất hiện, gió cứ tăng lên mãi với sự cuồng nộ bất thường. Vào buổi trưa, chúng tôi đoán như vậy, sắc thái của mặt trời lại khiến chúng tôi chú ý. Nó không tỏa ra ánh sáng, có thể nói như vậy, mà phát ra một thứ lửa u ám buồn bã như thể tất cả những tia sáng đều đã bị chiết tán. Ngay trước khi chiếu vào lòng biển trướng phình, những ngọn lửa trung tâm mặt trời đột ngột tắt ngấm như thể có một sức mạnh huyền bí nào đó đang vội vàng dập tắt chúng đi. Mặt trời như một cái bánh xe màu trắng bạc nhợt nhạt cô đơn khi bắt đầu phóng vào lòng đại dương thăm thẳm.

Chúng tôi đợi cái ngày thứ sáu đến trong nỗi tuyệt vọng. Cái ngày ấy đối với tôi chưa đến, còn với ông cụ người Thụy Điển thì mãi mãi không bao giờ đến. Từ đấy chúng tôi chìm trong bóng đêm đen như mực, tối đến nỗi chúng tôi không thể nhìn thấy xa quá hai mươi bước. Bóng đêm vĩnh cửu tiếp tục bao trùm chúng tôi, không hề giảm bớt chút nào bởi mặt nước biển lấp lánh ánh lân tinh như chúng ta thường thấy ở miền nhiệt đới. Chúng tôi cũng nhận thấy, mặc dù gió vẫn tiếp tục thổi và không hề giảm cơn thịnh nộ nhưng những bọt sóng trắng đã tận tình giúp đỡ chúng tôi nay không còn nữa. Chung quanh chúng tôi chỉ là sự hãi hùng, bóng tối dày đặc như một sa mạc nồng nực đen tối màu gỗ mun. Một nỗi kinh khiếp mê tín trườn dần vào trí não ông cụ người Thụy Điển. Còn tâm hồn tôi thì chìm vào một nỗi ngờ vực câm lặng. Chúng tôi không thiết săn sóc con tàu nữa. Việc đó đã trở nên vô ích. Dán người sát vào chân cột buồm thấp nhất, chúng tôi cay đắng đưa mắt nhìn vào đại dương thăm thẳm. Chúng tôi không còn phương tiện nào để đoán

biết thời gian và cũng không cách nào đoán biết được chúng tôi đang ở vào hoàn cảnh như thế nào. Tuy nhiên chúng tôi vẫn biết chắc rằng con tàu đã đi rất xa về phương nam hơn bất cứ nhà hàng hải nào và rất ngạc nhiên là tại sao vẫn chưa gặp những chướng ngại thường thấy là những tảng băng trôi. Dù vậy mỗi phút vẫn đe dọa là phút cuối cùng trong đời. Từng con sóng khổng lồ lao tới như muốn nuốt chửng chúng tôi. Sóng là cái gì vượt quá sức tưởng tượng của tôi. Mỗi lần sóng đi qua mà con tàu chưa bị chôn vùi là cả một điều kỳ diệu. Ông già đồng hành của tôi nói rằng hàng hóa trên tàu chưa đủ nặng và nhắc tôi nhớ đến phẩm chất tuyệt hảo của con tàu. Nhưng tôi hoàn toàn không hy vọng mình có thể thoát nạn. Lòng buồn rầu, tôi chuẩn bị cho cái chết mà tôi nghĩ sẽ đến trong vòng không quá một tiếng đồng hồ nữa. Vượt qua mỗi hải lý sóng biển đen đui khổng lồ càng âm u khủng khiếp hơn. Nhiều lần chúng tôi nín thở khi con tàu leo lên đến độ cao của chim hải âu, rồi lại xám choáng váng khi nó lao xuống cái địa ngục bằng nước với một tốc độ kinh hoàng. Ở đó không khí như ứ đọng lại, tuyệt đối không có một âm thanh nào khuấy động đến giấc ngủ loài thủy quái.

Chúng tôi đang ở dưới đáy của một trong những vực thẳm như thế thì bỗng tiếng la thất thanh của ông bạn đồng hành vỡ ra trong bóng tối:

- Kìa, kìa! - Ông cụ hét lớn vào tai tôi - Lạy chúa quyền năng! Hãy nhìn kìa!

Tôi nhìn thấy một vầng sáng màu đỏ lù mù, ảm đạm đang lao xuống theo triền vực bao la, nơi chúng tôi đang ở tận đáy, hắt sang sàn tàu chúng tôi những tia sáng lay lắt. Ngược mắt nhìn lên, tôi bắt gặp một cảnh tượng khiến cho máu trong người như đông lại. Ở một độ cao kinh khủng, ngay trên đầu chúng tôi, sát bên mép bờ vực,

lượn lờ một con tàu khổng lồ ước phải đến bốn ngàn tấn. Mặc dù con tàu đang đứng trên đầu một ngọn sóng cao gấp trăm lần chiều cao của chính nó nhưng trông nó vẫn lớn hơn bất kỳ con tàu nào của Công ty Đông Ấn. Cái vỏ khổng lồ của nó sơn một màu đen kịt, không chạm trổ hình vẽ như vẫn thường thấy. Chỉ có một dãy đại bác bằng đồng chĩa mũi ra từ các ô cửa sổ để mở, bề mặt bóng láng của nòng súng phản chiếu lấp lánh ánh sáng từ những ngọn đèn tín hiệu treo đung đưa lắc lư giữa các cột buồm. Nhưng điều làm chúng tôi kinh ngạc nhất là con tàu ấy giương hết buồm lên mà chạy giữa những chiếc rặng nanh khổng lồ của biển siêu nhiên đang lên cơn giông tố cuồng dại này. Đầu tiên, chúng tôi chỉ nhìn thấy phần mũi của con tàu lạ vì nó đang chậm chạp ngoi lên đỉnh vực. Trong một thoáng, con tàu bỗng ngưng lại, ngay trên cái đỉnh cao tít ấy, như thể để trầm tư về sự siêu việt của mình. Rồi rùng mình một cái, nó bắt đầu chúi mũi lao xuống.

Ngay lúc ấy, không hiểu sao sự bình tĩnh chợt trở lại với tôi. Cố lao người về phía lái, tôi chờ đợi không một chút sợ hãi giây phút hủy diệt. Cuối cùng con tàu chúng tôi chấm dứt cuộc chiến đấu. Nó cắm mũi vào lòng biển. Cái khối khổng lồ đang lao xuống kia cuối cùng đã xô vào chúng tôi ở phía lườn tàu vốn đã mấp mé nước. Việc đó dẫn đến một kết quả phi thường. Sức chấn động hất tung tôi lên không và sau đó tôi rơi ngay xuống lòng con tàu lạ.

Khi tôi rơi xuống, con tàu lạ khựng lại một giây rồi chợt đổi hướng. Nhờ sự nhộn nhạo ấy mà tôi đã thoát khỏi sự chú ý của các thủy thủ. Không khó khăn gì lắm và cũng chẳng bị ai nhìn thấy, tôi tìm ra lối đi chính xuống hầm tàu. Lúc ấy cửa đang khép hờ, tôi dễ dàng chọn được một chỗ trốn. Thật khó mà nói tại sao tôi lại làm thế. Một cảm giác sợ hãi mơ hồ khi nhìn thấy dáng vẻ của những người trên tàu có lẽ là nguyên nhân chính của hành động này. Tôi

không dám tin tưởng vào loại người mà ngay từ cái nhìn đầu tiên đã cảm thấy có quá nhiều điểm xa lạ mù mờ, ngờ vực và đầy sợ hãi. Vì thế tôi nghĩ tốt hơn nên tìm một chỗ ẩn náu trong hầm tàu. Dỡ một mảnh ván cạp vách, tôi dễ dàng tạo được chỗ ẩn giữa những cột kèo đồ sộ của con tàu.

Có tiếng bước chân trong hầm tàu ngay khi tôi vừa làm xong công việc. Tôi liền chui vào hốc trốn. Một người đàn ông bước ngang qua chỗ tôi ẩn nấp, dáng đi chậm chạp không vững. Tôi không thấy rõ khuôn mặt nhưng lại có dịp quan sát hình tướng chung của gã. Có những nét cho thấy hẳn gã rất lớn tuổi và yếu ớt. Đầu gối của gã như muốn khuỵu xuống dưới sức nặng của năm tháng, toàn thân run rẩy. Gã làm bầm với bản thân bằng một thứ tiếng trầm trầm xa lạ tôi không hiểu được. Gã lục soạn trong góc hầm tàu chất đầy dụng cụ kỳ quái và những bản đồ hàng hải đã rách nát. Bộ tịch của gã là một sự trộn lẫn man rợ giữa sự cáu kỉnh của một ông già đang hồi trở lại thời trẻ thơ và sự oai vệ của một vị thần. Cuối cùng, gã quay lên boong và tôi không còn nhìn thấy gã nữa.

..... (*) Một cảm giác không tên tuổi vây kín tâm hồn tôi, một cảm giác không mong được phân tích. Với nó, không có sách vở nào thích hợp cả. Và tôi e rằng cả trong tương lai cũng không thể tìm được lời giải đáp. Đối với tôi, đây đúng là một điều khủng khiếp. Tôi sẽ không bao giờ - tôi biết chắc sẽ không bao giờ - nhìn nhận bản chất của những ý niệm này. Dù sao cũng không lấy gì làm lạ về những cảm giác này bởi chính nó đã bắt nguồn từ một câu chuyện hoang đường. Một cảm giác mới lạ, một thực thể hoàn toàn mới đã ghi vào tâm hồn tôi.

.... Đã qua một thời gian khá lâu kể từ khi tôi lọt vào con tàu khủng khiếp này. Tôi nghĩ rằng giờ đây, mọi nẻo lối của số phận tôi

đang quy về một điểm. Chìm trong cơn mặc tưởng nào đó mà tôi không thể nào hiểu nổi, những thủy thủ hờ hững đi ngang qua trước mặt tôi mà không buồn chú ý. Phần tôi, quả thật là thừa khi vội tìm chỗ trốn. Bởi chính họ có muốn trông thấy gì đâu. Mới lúc nãy đây, tôi đi ngang trước mặt viên thuyền phó. Và cũng chẳng lâu gì, tôi đã mạo hiểm vào tận phòng viên thuyền trưởng. Tôi lấy ở đấy được một ít giấy và đang dùng để viết. Thỉnh thoảng tôi lại viết tiếp những trang bản thảo này. Thực ra tôi không có cách nào truyền lại cho thế giới bên ngoài. Nhưng tôi sẽ cố thử xem. Vào phút cuối, tôi sẽ bỏ những trang bản thảo này vào một cái chai đóng kín và thả xuống biển.

... Một vài biến cố vừa xảy ra khiến tôi phải suy nghĩ. Có phải tất cả những điều này là một cuộc run rủi rủi may hay không? Tôi đã mạo hiểm bước lên boong, nằm dài xuống giữa những đồng dây thừng và buồm cũ hoặc trong chiếc xuồng nhỏ mà chẳng ai chú ý cả. Trong khi suy nghĩ miên man về số phận kỳ quặc của mình, tôi lơ đãng cầm chiếc bàn chà chải hắc ín bôi lên một tấm buồm phụ được xếp cẩn thận đặt trên một cái thùng tròn. Cánh buồm phụ bây giờ đang được căng lên, chiếc bàn chải vô tình lúc nãy đã viết thành hai chữ: khám phá.

Ở trên, tôi có tả sơ qua kiến trúc của con tàu. Mặc dù được trang bị đại bác nhưng theo tôi, nó không phải là một chiếc tàu chiến. Cấu trúc và trang thiết bị đều không phải của tàu chiến. Nhưng nó thực sự là loại tàu gì thì tôi e rằng khó xác định. Tôi không biết tại sao như thế. Nhìn vóc dáng lạ lẫm, kỳ quặc của các cột buồm, những bộ buồm khổng lồ cao vợi vợi, cái mũi tàu quá đơn giản, phần đuôi cổ lố, trong tôi chợt lóe lên một tia sáng từ ký ức mơ hồ hỗn độn. Đó là những hình ảnh gợi nhớ về một triều đại cổ xưa ở một vương quốc nào đó.

... Tôi nhìn kỹ loại gỗ làm sườn tàu. Đó là thứ vật liệu hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Tính chất đặc biệt của gỗ khiến tôi phải nghĩ rằng nó không thích hợp với mục đích sử dụng. Tôi muốn nói rằng nó hoàn toàn xốp, không phải do bị mối ăn mà bởi đã đi lại quá nhiều trên biển, cũ đến mục ruỗng. Tôi quan sát thấy một điều rất odd kỳ lạ, loại gỗ này có đủ mọi đặc tính của loại sến Tây Ban Nha, nếu như gỗ sến Tây Ban Nha có thể xẻ ra được bằng những dụng cụ nhân tạo.

Đọc lại đoạn vừa viết, tôi chợt nhớ đến câu nói kỳ quặc của một con sói biển già người Hà Lan: "Cái điều ấy e cũng chắc chắn". - Ông thường nói vậy khi tấm lòng trung thực của ông bị một nỗi nghi ngờ xâm chiếm. - "Như trên đời này có một vùng biển mà ở đó những con tàu lại có thể phình lớn như thân thể của một thủy thủ".

... Tôi chen vào đám thủy thủ được hơn một giờ. Mặc dù tôi đứng ngay giữa bọn họ nhưng dường như sự có mặt của tôi hoàn toàn nằm ngoài nhận thức của họ. Giống như người đầu tiên tôi nhìn thấy dưới hầm tàu, tất cả những thủy thủ đều râu tóc bạc phơ. Đầu gối không còn giữ vững, lưng còng xuống với tuổi tác, làn da run run trước gió rét, giọng nói trầm trầm rề rề, đôi mắt suy yếu kèm nhèm nước mắt, mái tóc bạc phát phơ trong gió một cách kỳ dị. Chung quanh họ, khắp cả sàn tàu, rải rác những dụng cụ toán học kiểu rất cổ, không còn thích hợp.

... Ở trên, tôi có nói chuyện những cánh buồm phụ được căng lên. Kể từ lúc ấy, con tàu lồng gió phóng thẳng về hướng nam, tiếp tục cuộc hành trình khủng khiếp. Mọi cánh buồm đều căng phồng, từ buồm chính trên đỉnh đến những cánh buồm phụ bên dưới. Những đòn tay buồm chòng chành nghiêng ngả như muốn thọc vào cái địa ngục bằng chất lỏng khủng khiếp mà óc tưởng tượng của con người

có thể nặn ra được. Tôi vừa mới rời boong tàu vì ở đó khó mà đứng vững trên hai chân mặc dù các thủy thủ vẫn bình thản đi lại. Tôi cảm thấy quá đổi kỳ diệu khi cái khối khổng lồ này vẫn chưa chịu chìm đắm vĩnh viễn. Chúng tôi hẳn đã bị trời đày phải mãi mãi đi vòng quanh cái mép rìa của sự vĩnh cửu mà chẳng bao giờ được phép thực hiện cú nhảy cuối cùng để lao vào vực thẳm. Trên những con sóng to lớn kinh dị gấp ngàn lần trước đây, chúng tôi lướt đi nhanh như loài én biển. Những đợt sóng khổng lồ ngóc đầu chồm lên chúng tôi như những con thủy quái. Nhưng chúng chỉ dọa nạt chứ không được phép tàn phá. Tôi cho rằng sở dĩ con tàu thoát nạn mãi như thế chỉ là nhờ vào nguyên nhân tự nhiên. Và chỉ như vậy mới có thể cắt nghĩa nổi những kết quả thế này. Tôi cho rằng có lẽ con tàu đang nằm trong ảnh hưởng của dòng hải lưu cuộn cuộn nào đó hoặc giả có dòng nước ngầm rất mạnh ngay bên dưới con tàu.

... Tôi đã nhìn tận mặt viên thuyền trưởng, ngay trong cabin của ông ta, nhưng như tôi đã đoán trước, ông ta hoàn toàn không chú ý gì đến tôi. Mặc dù vẻ bề ngoài của ông ta chẳng có gì khác hơn một người đàn ông bình thường, nhưng một cảm giác kính trọng và sợ hãi trộn lẫn niềm kinh ngạc nào đó vẫn khiến tôi ngưỡng mộ ông ta. Về hình dạng, ông ta cao ngang bằng tôi, khoảng một mét sáu lăm. Dáng vóc ông chắc gọn nhưng không có vẻ mạnh mẽ hay đáng chú ý. Có lẽ do cái vẻ đặc biệt biểu lộ trên khuôn mặt ông ta, một bằng chứng khốc liệt và dữ dội của tuổi tác già nua quá độ - già nua trọn vẹn, gợi trong tôi một ý tưởng, một cảm giác khó tả. Vàng trán của ông dù ít nếp nhăn nhưng vẫn hằn rõ dấu ấn năm tháng chồng chất. Mái tóc xám như một bản ghi chép của quá khứ. Và đôi mắt xám hơn cả mái tóc lại như một bầu phù thủy của tương lai. Trên sàn phòng bày la liệt những xấp giấy tờ có nếp sứt, những dụng cụ khoa học méo mó cũ kỹ, những tấm bản đồ đã lâu không dùng đến. Hai tay ông ta bưng đầu, đôi mắt sáng quắc và lo âu chú mục vào một

tờ giấy mà tôi cho là tờ chiếu chỉ bởi trên mặt giấy có đóng dấu triện của nhà vua. Ông ta cũng nói lầm bầm, như người thủy thủ đầu tiên tôi nhìn thấy trong hầm tàu, giọng trầm trầm cầu nhàu của một thứ tiếng nào đó lạ hoắc. Và mặc dù ông ta ở sát ngay bên cạnh mà tôi nghe như ở tận dặm xa nào vọng lại.

... Con tàu và những thứ nó mang theo đều nhuộm màu một thời đại xa xưa nào. Các thủy thủ thì đi lại như bóng ma của những thế kỷ đã bị chôn vùi, đôi mắt toát ra một sự hăm dọa và lo âu. Nhìn những bàn tay của họ rơi bóng nghiêng nghiêng dưới ánh sáng những ngọn đèn tín hiệu, trong tôi dấy lên một cảm giác chưa từng có, mặc dù suốt đời tôi là một kẻ say mê đồ cổ, đã nhập nhiễm trong bóng mát các cột trụ đèn đài đồ nát ở Balbec, Tadamor, Persepolis cho đến nỗi chính bản thân tôi cũng trở thành một thứ đồ cổ.

... Nhìn lại chung quanh, tôi cảm thấy xấu hổ về những mối lo sợ ban đầu của mình. Nếu tôi đã khiếp hãi trước cơn bão vẫn đang theo đuổi chúng tôi cho đến tận bây giờ thì lúc này tôi sẽ khiếp hãi đến nhường nào trước sự đùng độ giữa gió và biển, mà để diễn đạt điều này, những từ như lốc xoáy, bão tố thật là tầm thường và thiếu sót: vây quanh con tàu là bóng tối của đêm đen vĩnh cửu và một khối nước khổng lồ đang đảo lộn nhưng không sủi lên một chút bọt nào. Từ phía xa, cách chúng tôi khoảng một dặm, có thể nhìn thấy lờ mờ những bức tường thành khổng lồ và vĩnh cửu của băng giá đứng chọc thẳng vào bầu trời ảm đạm, trông giống những bức tường của ngôi nhà vũ trụ.

... Như tôi đã nghĩ đến lúc này, con tàu có vẻ đang bị cuốn đi bởi một dòng hải lưu, nếu tôi có thể dùng từ này để gọi con thủy triều đang gầm rú chảy ào qua vùng băng giá trắng xóa. Dòng hải lưu ấy

vừa rền lên như sấm vừa lao băng băng về phương nam với tốc độ một con thác đang chúi đầu đổ xuống.

... Tôi cho rằng khó ai hiểu được cảm giác kinh hoàng của tôi. Tuy vậy sự tò mò muốn lý giải những bí mật của vùng biển kỳ dị này đã thắng được cơn sợ hãi trong tôi. Nó giúp tôi cảm thấy dễ chịu trước khuôn mặt xấu xí của thần chết. Rõ ràng là chúng tôi đang vội vã lao vào một sự hiểu biết kỳ thú nào đó, một thứ bí mật không bao giờ có thể chia sẻ cùng ai và kẻ nào biết được phải trả giá bằng cái chết. Có lẽ dòng nước này sẽ dẫn chúng tôi đến tận Bắc Cực. Phải thấy rằng giả thuyết này cũng có nhiều cơ sở để trở thành sự thật. ... Những thủy thủ đi lại trên boong với bước chân bần chồn run rẩy. Nhưng vẻ mặt của họ vẫn phẳng phất một niềm hưng phấn đầy hy vọng hơn là nỗi thờ ơ của sự tuyệt vọng.

Lúc này, gió vẫn thúc vào lưng chúng tôi. Khi giương hết buồm lên, con tàu như muốn bay bổng lên khỏi mặt biển.Ồ, thật là khủng khiếp! Băng giá chợt rẽ ra bên phải rồi bên trái và chúng tôi bắt đầu quay tít theo những vòng tròn đồng tâm rộng lớn. Quay và quay theo những đường xoáy của một hí trường vĩ đại. Bên trên con vực là bóng đen mịt mù thăm thẳm. Tôi chẳng còn bao nhiêu thời gian để suy ngẫm về số phận mình nữa. Những vòng tròn đang nhanh chóng thu hẹp lại. Chúng tôi đang phóng như điên cuồng vào giữa vòng ôm của vực xoáy giữa tiếng gầm gừ, rú rít, rền rĩ của đại dương bão tố. Con tàu bỗng rùng mình - ôi, Thượng đế! - và chìm xuống.

(*) Hoàng Văn Quang dịch từ nguyên bản tiếng Anh Văn học nước ngoài, số 3, tháng 5-6/2004, số kỷ niệm 195 năm sinh E.A.Poe (1809-2004)

Chú thích:

(*) Tác giả để trống vài hàng.

(*) Truyện Bản thảo tìm thấy trong chai được in lần đầu tiên năm 1831. Rất nhiều năm về sau, tôi mới biết đến những bản đồ do Mecrator vẽ, trong đó đại dương được thể hiện như đổ vào vực Bắc Cực bằng bốn cửa rồi mất hút trong lòng quả đất. Bản thân Bắc Cực được biểu đạt bằng một tảng đá đen cao ngều nghện lạ thường.

Kết Thúc (END)